

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

Tên viết tắt: TPS

Địa chỉ trụ sở chính: 720, Quốc lộ 1A, khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM

Điện thoại: 028 37161333

Fax: 028 37160891

Website: stp@benbaivantaisaigon.com.vn

Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h 72h Theo yêu cầu Khác

Nội dung thông tin công bố:

Công ty CP Bến bãi Vận tải Sài Gòn, mã chứng khoán: TPS xin công bố với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về Biên bản và Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2022.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/6/2022 tại đường dẫn <http://benbaivantaisaigon.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố.

TPHCM, ngày 28 tháng 06 năm 2022

Đại diện doanh nghiệp

(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)



Trần Hiếu



INHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
(STP.JSC)

Số: 44/BB-DHDCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 06 năm 2022

BIÊN BẢN ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN**

(Được chuyển thể từ Doanh nghiệp Nhà nước: Công ty Bến bãi Vận tải Thành phố, Số ĐKKD: 4106000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 06/11/2003).

- Địa chỉ trụ sở chính: **720, Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM.**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần, Mã số doanh nghiệp 0301114089, Đăng ký lần đầu ngày 31/5/2006, Đăng ký thay đổi lần X ngày 18/03/2019.

- Thời gian tổ chức: 08 giờ 30 phút ngày 28 tháng 6 năm 2022.

- Địa điểm tổ chức: 720, Quốc lộ 1 A, KP3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP.HCM

PHẦN I: GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP

1. Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu

- Người báo cáo: Bà Lê Thị Thanh Thuận – Chức vụ: Trưởng ban kiểm tra tư cách đại biểu

- Nội dung báo cáo:

- Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt đến ngày 02/06/2022, sở hữu 5.000.000 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn
- Cổ đông tham dự Đại hội: 23 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho 4.630.653 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 92,613% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, Đại hội Cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

2. Bà Lê Thúy Hằng thay mặt Đoàn chủ tọa thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội.

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua quy chế làm việc.

3. Giới thiệu Đoàn Chủ tọa, bao gồm:

Ông Trần Hiếu TV HĐQT kiêm Tổng giám đốc, Chủ tọa Đại hội
Bà Lê Thúy Hằng TV HĐQT

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua nhân sự Đoàn chủ tọa.

4. Chủ tọa giới thiệu ban Thư ký Đại hội, bao gồm:

Bà Phạm Phương Nhã Thư ký
Bà Diệp Lâm Mỹ Ngọc Thư ký

5. Chủ tọa giới thiệu Ban Kiểm Phiếu, bao gồm:

Ông Phạm Đình Dài Trưởng Ban kiểm phiếu
Ông Trịnh Tuấn Hùng Thành viên Ban kiểm phiếu
Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua nhân sự Ban Kiểm Phiếu.

6. Bà Lê Thúy Hằng thay mặt Đoàn chủ tọa thông qua Chương trình Đại hội

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua Chương trình Đại hội.

PHẦN II: NỘI DUNG ĐẠI HỘI

A. ĐẠI HỘI NGHE TRÌNH BÀY CÁC BÁO CÁO

Nội dung 01: Báo cáo số 08/BC-HDQT ngày 06/6/2022 của Ban điều hành Công ty về Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

Người trình bày: Bà Lê Thúy Hằng

Nội dung 02: Báo cáo số 09/BC-HDQT ngày 06/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

Người trình bày: Ông Phạm Đình Dài

Nội dung 03: Báo cáo số 10/BC-HDQT ngày 06/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2021 và phương hướng năm 2022.

Người trình bày: Ông Trần Hiếu

Nội dung 04: Báo cáo số 01/BC-BKS ngày 02/6/2022 của Ban kiểm soát Công ty về Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2021.

Người trình bày: Bà Lê Thị Thanh Thuận

B. ĐẠI HỘI NGHE TRÌNH BÀY NỘI DUNG CÁC TỜ TRÌNH

Nội dung 05: Tờ trình số 11/TTr-HDQT ngày 06/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam

Người trình bày: Bà Bùi Thanh Tâm

Nội dung 06: Tờ trình số 12/TTr-HDQT ngày 06/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021, tổng quỹ lương,

thù lao thành viên HĐQT, Ban KS, phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ kế hoạch năm 2022 và một số vấn đề khác.

Người trình bày: Bà Bùi Thanh Tâm

Nội dung 07: Tờ trình số 13/TTr-HDQT ngày 06/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về việc Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty và ủy quyền cho Hội đồng quản trị ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Người trình bày: Ông Trần Hiếu

Nội dung 08: Tờ trình số 02/TTr-BKS ngày 06/6/2022 của Ban kiểm soát Công ty thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và ủy quyền cho Ban kiểm soát ký ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Người trình bày: Bà Lê Thị Thanh Thuận

PHẦN III. Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG

Sau khi nghe Ban lãnh đạo Công ty trình bày các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông, không có đại biểu nào nêu câu hỏi đến đoàn chủ tọa.

PHẦN IV. CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT

Đại hội nghe trình bày và biểu quyết theo phương thức biểu quyết bỏ phiếu kín các nội dung sau:

Tổng số phiếu phát ra: 24 phiếu đại diện cho 4.631.678 CP, chiếm 100 % Tính trên số CP biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu thu về: 24 phiếu đại diện cho 4.631.678 CP, chiếm 100 % Tính trên số CP biểu quyết dự họp.

Tổng số phiếu không thu về: 0 phiếu đại diện cho 0 CP, chiếm 0 % Tính trên số CP biểu quyết dự họp.

Nội dung 1: Thông qua Báo cáo số 08/BC-HDQT ngày 06/6/2022 của Ban điều hành Công ty về Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

➤ **Kết quả biểu quyết:**

Số phiếu tán thành: 24	- Số cổ phần: 4.631.678	- Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 1 đã được thông qua.

Nội dung 2: Báo cáo số 09/BC-HDQT ngày 06/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 24	- Số cổ phần: 4.631.678	- Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 2 đã được thông qua.

Nội dung 3: Báo cáo số 10/BC-HDQT ngày 06/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2021 và phương hướng năm 2022.

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 24	- Số cổ phần: 4.631.678	- Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 3 đã được thông qua.

Nội dung 4: Thông qua Báo cáo số 01/BC-BKS ngày 02/6/2022 của Ban kiểm soát Công ty về Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2021.

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 24	- Số cổ phần: 4.631.678	- Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 4 đã được thông qua.

Nội dung 5: Thông qua Tờ trình số 11/TTr-HDQT ngày 06/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 24	- Số cổ phần: 4.631.678	- Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 5 đã được thông qua.

Nội dung 6: Thông qua Tờ trình số 12/TTr-HDQT ngày 06/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021, tổng quỹ lương, thù lao thành viên HDQT, Ban KS, phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ kế hoạch năm 2022 và một số vấn đề khác.

➤ Kết quả biểu quyết:

Số phiếu tán thành: 24	- Số cổ phần: 4.631.678	- Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 6 đã được thông qua.

Nội dung 7: Thông qua Tờ trình số 13/TTr-HDQT ngày 06/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về việc Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty và ủy quyền cho Hội đồng quản trị ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

➤ Kết quả biểu quyết:

➤ Số phiếu tán thành: 24	- Số cổ phần: 4.631.678	- Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 7 đã được thông qua.

Nội dung 8: Thông qua Tờ trình số 02/TTr-BKS ngày 06/6/2022 của Ban kiểm soát Công ty thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và ủy quyền cho Ban kiểm soát ký ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

➤ Kết quả biểu quyết:

➤ Số phiếu tán thành: 24	- Số cổ phần: 4.631.678	- Tỷ lệ: 100 % CPBQ dự họp
Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp
Số phiếu không hợp lệ: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0 % CPBQ dự họp

Như vậy, Nội dung 8 đã được thông qua.

PHẦN V: THÔNG QUA BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT CUỘC HỌP

Người trình bày: Bà Phạm Phương Nhã, đọc biên bản cuộc họp.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 với 100 % số cổ phần biểu quyết dự họp.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn dự thảo Nghị quyết cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 với 100 % số cổ phần biểu quyết dự họp.
Biên bản nay được lập thành 01 bản và được lưu tại Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

Đại hội kết thúc 11 giờ 00 cùng ngày.

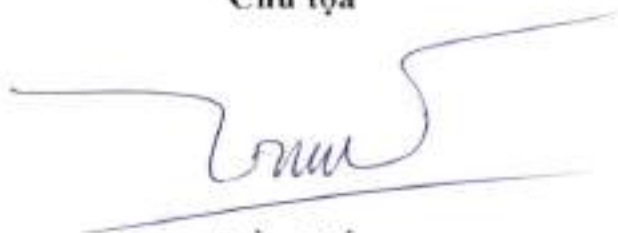
THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Phạm Phương Nhã

TM. ĐOÀN CHỦ TỌA

Chủ tọa



Trần Hiếu

Số: 15./NQ-DHDCD

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 6 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bến bãi Vạn tài Sài Gòn được thông qua ngày 19/5/2021;

Căn cứ nội dung chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;

Căn cứ biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 ngày 28 tháng 6 năm 2022.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Báo cáo số 08/BC-HĐQT ngày 06/6/2022 của Ban điều hành Công ty về Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 và kế hoạch năm 2022. (Tài liệu đính kèm).

a) Các chỉ tiêu thực hiện năm 2021		
- Doanh thu	:	28.911.839.165 đồng.
- Lợi nhuận trước thuế	:	10.009.494.966 đồng.
- Lợi nhuận sau thuế	:	8.558.941.671 đồng.
- Nợ ngân sách	:	4.020.919.407 đồng.
- Tiền lương bình quân		
+ Người lao động	:	10.104.000 đồng/ng/tháng.
+ Người quản lý doanh nghiệp	:	30.000.000 đồng/ng/tháng.
b) Kế hoạch kinh doanh năm 2022		
- Doanh thu	:	30.258.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế	:	10.010.880.000 đồng

- Lợi nhuận sau thuế	:	8.008.704.000 đồng
- Nộp ngân sách	:	5.131.000.000 đồng.
- Tiền lương bình quân		.
+ Người lao động	:	10.104.000 đồng/ng/tháng.
+ Người quản lý doanh nghiệp	:	31.000.000 đồng/ng/tháng.
c) Kế hoạch đầu tư năm 2022		17.200.000.000 đồng.
d) Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 cho phù hợp với tình hình thực tế.		

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Báo cáo số 09/BC-HDQT ngày 06/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư năm 2021 và kế hoạch năm 2022. (Tài liệu đính kèm).

Điều 3. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Báo cáo số 10/BC-HDQT ngày 06/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2021 và phương hướng năm 2022. (Tài liệu đính kèm).

Điều 4. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Báo cáo số 01/BC-BKS ngày 02/6/2022 của Ban kiểm soát Công ty về Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2021. (Tài liệu đính kèm).

Điều 5. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua Tờ trình số 11/TTr-HDQT ngày 06/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2021 của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam. (Tài liệu đính kèm).

Điều 6. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua các nội dung Tờ trình số 12/TTr-HDQT ngày 06/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về Tờ trình về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021, tổng quỹ lương, thù lao thành viên HDQT, Ban KS, phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ kế hoạch năm 2022 và một số vấn đề khác. (Tài liệu đính kèm).

I. Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2021:

1. Trích lập các quỹ

Tổng Doanh thu : 28.911.839.165 đồng



Lợi nhuận trước thuế:	:	10.009.494.966 đồng
Lợi nhuận sau thuế (Lợi nhuận Phân phối)	:	8.558.941.671 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển (5% Lợi nhuận sau thuế)	:	427.947.084 đồng
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi, trong đó:	:	2.258.244.000 đồng
+ Quỹ khen thưởng	:	564.561.000 đồng
+ Quỹ phúc lợi	:	1.693.683.000 đồng
- Quỹ Thương HDQT, Ban KS, Ban điều hành Công ty	:	135.000.000 đồng
- Chia cổ tức: 12%/VDL	:	6.000.000.000 đồng
Lợi nhuận năm trước còn lại	:	5.389.834.060 đồng
Tổng lợi nhuận còn để lại	:	5.127.584.647 đồng

2. Chia cổ tức năm 2021

+ Chia cổ tức	:	12%/VDL
+ Chi trả cổ tức bằng tiền	:	6.000.000.000 đồng

II. Dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022:

Tổng Doanh thu	:	30.258.000.000 đồng
Lợi nhuận trước thuế:	:	10.010.880.000 đồng
Lợi nhuận sau thuế (Lợi nhuận Phân phối)	:	8.008.704.000 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển	:	Trích 5% Lợi nhuận sau thuế
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	Trích tối đa 03 tháng lương bình quân thực hiện của NLD nếu lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch.
- Quỹ thưởng HDQT, Ban KS, Ban điều hành Công ty	:	Trích tối đa 1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty

chuyên trách nếu lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch.

Tỷ lệ chia cổ tức năm 2022 : 10%/VDL

III. Dự kiến Tổng quỹ lương năm 2022:

Tổng Doanh thu	:	30.258.000.000 đồng
Lợi nhuận sau thuế (Lợi nhuận Phân phối)	:	8.008.704.000 đồng
Tổng quỹ lương của Công ty	:	11.170,42 triệu đồng
- Quỹ lương Người quản lý công ty	:	1.116,00 triệu đồng
- Quỹ lương Người lao động	:	9.639,22 triệu đồng
- Tổng thù lao thành viên HĐQT, Ban KS	:	415,20 triệu đồng

IV. Mức thù lao thành viên HĐQT, Ban KS năm 2022:

Chủ tịch HĐQT	:	7.000.000 đồng/người/tháng
Thành viên Hội đồng quản trị	:	5.000.000 đồng/người/tháng
Thành viên Ban kiểm soát	:	3.800.000 đồng/người/tháng

V. Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty năm 2022:

Trích tối đa 1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý Công ty chuyên trách nếu lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch (theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐ-TBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016).

VI. Về lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022: Chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.

Điều 7. Đại hội đồng cổ đông thông nhất thông qua các nội dung Tờ trình số 13/TTr-HĐQT ngày 06/6/2022 của Hội đồng quản trị Công ty về việc Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty và ủy quyền cho Hội đồng quản trị ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty. (Tài liệu đính kèm).

Điều 8. Đại hội đồng cổ đông thông nhất thông qua các nội dung Tờ trình số 02/TTr-BKS ngày 06/6/2022 của Ban kiểm soát Công ty thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và ủy quyền cho Ban kiểm soát ký ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. (Tài liệu đính kèm).

Điều 9. Giao Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn tổ chức triển khai thực hiện các nội dung tại Nghị quyết này và báo cáo tình hình thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông kỳ tới.

Điều 10. Điều khoản thi hành:

10.1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn được lập, công bố và thống nhất thông qua trước toàn thể cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 vào lúc 11 giờ 00 phút ngày 28 tháng 6 năm 2022.

10.2. Giao Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và đăng tải trên Website của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (www.benbaivantaisaigon.com.vn) theo quy định của pháp luật về công bố thông tin. Ban kiểm soát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

10.3. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn chịu trách nhiệm và thi hành Nghị quyết này theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Nơi nhận:

- UBCKNN, SGDCNN (để b/c);
- Tổng Công ty Samco (để b/c);
- CBTT trên Website Cty;
- TV.HDQT, Ban TGD Cty;
- BKS Cty, Cổ đông;
- Đảng ủy, CD, DTN Cty;
- Các Phòng ban, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, Thư ký HDQT(01b),N.17.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**



Trần Hiếu



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 720 Quốc Lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh

MSDN: 0301114089 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 31/5/2006, thay đổi lần 10 ngày 18/03/2019

ĐT: (028) 3716 1333 Fax: (028) 3716 0891 Website: www.benbaivantaisaigon.com.vn



CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

(Bắt đầu lúc 08h30 ngày 28 tháng 6 năm 2022)

Thời gian	Nội dung
Trước 8:30	<ul style="list-style-type: none">Cổ đông đăng nhập tham dự trực tuyến.
8:30 – 9:00	Khai mạc Đại hội: <ul style="list-style-type: none">Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội;Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và Chủ tọa;Chủ tọa giới thiệu Đoàn chủ tọa, chỉ định Ban thư ký;Chủ tọa giới thiệu Ban Kiểm tra tư cách đại biểu, Ban kiểm phiếu và xin Đại hội biểu quyết;Thông qua Quy chế làm việc;Thông qua chương trình Đại hội.
9:00 – 9:30	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc, Ban kiểm soát trình bày các Báo cáo sau: <ul style="list-style-type: none">Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng năm 2022;Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư năm 2021 và Kế hoạch đầu tư năm 2022;Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 Phương hướng 2022;Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2021;

9:30 – 10:00	<p>Các tờ trình Đại hội</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã qua kiểm toán; • Về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021, tổng quỹ lương, thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ kế hoạch năm 2022 và một số vấn đề khác; • Tờ trình Sửa đổi, bổ sung quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; • Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát • Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
10:00 – 10:20	Đại hội thảo luận
10:20 – 10:30	Hướng dẫn biểu quyết, tiến hành biểu quyết.
10:30 – 10:50	Đại hội giải lao, ban kiểm phiếu làm việc.
10:50 – 11:00	Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết.
11:00 – 11:15	Ban Thư Ký đọc dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết ĐHCĐ; Đại hội biểu quyết thông qua nội dung Biên bản họp và Nghị quyết ĐHCĐ.
11:15	Tuyên bố bế mạc Đại Hội.



CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃ VẬN TẢI SÀI GÒN

Trụ sở chính: 720 Quốc Lộ 1A, Khu phố 3B, P. Thạnh Lộc, Q.12, TP.HCM

Điện thoại: 028 3716 1333 – Fax: 028 3716 0891 – Website: www.benbaivantaisaigon.com

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃ VẬN TẢI SÀI GÒN

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Bến bã Vận tải Sài Gòn
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Bến bã Vận tải Sài Gòn

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty cổ phần Bến bã Vận tải Sài Gòn diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

Điều 1. Mục đích:

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại ĐHĐCD thường niên của Công ty Cổ phần Bến bã Vận tải Sài Gòn diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của ĐHĐCD thể hiện ý chí thống nhất của ĐHĐCD, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng áp dụng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu Công ty Cổ phần Bến bã Vận tải Sài Gòn và khách mời tham dự ĐHĐCD thường niên Công ty Cổ phần Bến bã Vận tải Sài Gòn đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp ĐHĐCD thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Bến bã Vận tải Sài Gòn.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Bến bã Vận tải Sài Gòn
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCD : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)
- Hệ thống livestream cuộc họp ĐHĐCD : Hệ thống phát sóng video cuộc họp ĐHĐCD trực tiếp trên website www.ezgsf.fpts.com và www.youtube.com
- Đại hội : Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số đại biểu dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết¹.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty thì thông báo mời họp lần thứ ba được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Lưu ý: Tỷ lệ cổ đông dự họp ĐHĐCĐ theo hình thức trực tuyến được xác định khi đại biểu đã thực hiện “**Xác nhận tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến**” tại hệ thống bỏ phiếu điện tử theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 5. Đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

- Tất cả cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 02/06/2022 đều có quyền tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần của mỗi người đại diện.
- Khi tham dự trực tuyến, đại biểu lưu ý:
 - **Yêu cầu kỹ thuật:** Cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ máy vi tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet).
 - **Cách thức thực hiện:** Đại biểu truy cập đường dẫn, đăng nhập theo các thông tin được cung cấp để tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử.
 - **Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:** Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp trong thông báo mời họp và đã thực hiện “**xác nhận tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến**” tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.

Điều 6. Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (*trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý*).

Điều 7. Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

¹ Khoản 1 Điều 18 Điều lệ Công ty

Quy chế làm việc trực tuyến tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

- Đoàn chủ tọa gồm 02 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 01 Thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn và là Chủ tọa ĐHĐCD hoặc chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa Đại hội. Cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Chức vụ
1	Trần Hiếu	Thành viên HĐQT- Chủ tọa
2	Lê Thúy Hằng	Thành viên HĐQT

- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- Nhiệm vụ của Đoàn chủ tọa
 - Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua.
 - Phân công, giới thiệu đại diện thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty trình bày các báo cáo tại Đại hội;
 - Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết;
 - Giới thiệu thành phần Đoàn chủ tọa để Đại hội biểu quyết (nếu có);
 - Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.
 - Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua;
 - Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại Hội.
 - Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội.
 - Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

Điều 8. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng ban và 01 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tọa, ĐHĐCD về nhiệm vụ của mình.

Ban kiểm tra tư cách đại biểu do Chủ tọa giới thiệu cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Ghi chú
-----	----------------	---------

Quy chế làm việc trực tuyến tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

1	Bà Lê Thị Thanh Thuận	Trưởng BKS
2	Ông Trịnh Tuấn Hùng	Giám đốc BX N.T.Ga

- Nhiệm vụ:

- Nhận giấy tờ của cổ đông (nếu phát sinh), đối chiếu kiểm tra tính hợp lệ của cổ đông tham dự trực tuyến.
- Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi ĐHĐCĐ chính thức tiến hành.
- Phối hợp với ban kiểm phiếu để hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát biểu quyết.

Điều 9. Ban Thư ký Đại hội:

- Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn chủ tọa. Cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Ghi chú
1	Bà Phạm Phương Nhã	Thư ký HĐQT
2	Bà Diệp Lâm Mỹ Ngọc	TP.TCHC

- Nhiệm vụ:

- Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn chủ tọa quyết định;
- Ghi chép biên bản họp ĐHĐCĐ một cách đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại Hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại Hội.
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản họp Đại Hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại Hội.

Điều 10. Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên.

- Ban kiểm phiếu bao gồm:

STT	Tên thành viên	Ghi chú
1	Ông Phạm Đình Đài	Trưởng ban
2	Ông Trịnh Tuấn Hùng	Thành viên

- Nhiệm vụ:

- Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn chủ tọa, ĐHĐCĐ khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội.
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 11. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ;
- Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định như sau:
 - Đại biểu có thể đặt câu hỏi tại mục Thảo luận trong giao diện tham dự đại hội trực tuyến tại đường link <http://ezgsm.fpts.com.vn> hoặc gửi email về địa chỉ: thukyhdtq@benbaivantaisaigon.com.vn (trước giờ thảo luận). (Các câu hỏi là hợp lệ khi được gửi từ email đã đăng ký trong danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký cung cấp hoặc email do Cổ đông đã đăng ký thông tin trong Giấy đăng ký dự họp hoặc ủy quyền đã được gửi bản cứng về Công ty).
 - Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung câu hỏi của Đại biểu và chuyển lên cho Chủ tọa.

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến Đại biểu;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời bằng các hình thức khác.

Điều 12. Biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai. Đại biểu có thể lựa chọn bỏ phiếu bằng cách bỏ phiếu điện tử tại đường link: <http://ezgsm.fpts.com.vn>

2. Bỏ phiếu điện tử:

- Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:
 - Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không có ý kiến” với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
 - Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
- Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:
 - Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết vấn đề đó.
 - Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết vấn đề phát sinh đó.
 - Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết); bao gồm cả kết quả biểu quyết bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực

tuyển chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.

- Thời gian bỏ phiếu điện tử

Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể như sau:

- Nội dung biểu quyết lần thứ 01 (gồm Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; thông qua nhân sự Đoàn chủ tọa, Ban kiểm phiếu) Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 10h00 ngày 26/06/2022 đến trước khi Đại hội thông qua các nội dung biểu quyết lần thứ 01.
- Nội dung biểu quyết 02 (gồm Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2021 và phương hướng năm 2022; Báo cáo kết quả thực hiện đầu tư năm 2021 và Kế hoạch đầu tư năm 2022; Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 Phương hướng 2022; Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2021 và thông qua nội dung các Tờ trình tại Đại hội) Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 10h00 ngày 26/06/2022 đến trước khi Đại hội thông qua các nội dung biểu quyết lần thứ 02.
- Nội dung biểu quyết 03 (Thông qua Biên bản và Nghị quyết đại hội): Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 10h00 ngày 26/06/2022 đến trước khi Đại hội thông qua các nội dung biểu quyết lần thứ 03.
- Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

3. Thể lệ biểu quyết:

- Cũ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết.
- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 02/06/2022) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 5.000.000 cổ phần tương đương với 5.000.000 quyền biểu quyết.
- Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 1 Điều 20 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

- Lưu ý:

- Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
- Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) giữa Công ty với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

4. Ghi nhận kết quả biểu quyết

Quy chế làm việc trực tuyến tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 13. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được Thư ký Đại Hội ghi vào Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại Hội.

Điều 14. Thi hành Quy chế

Quy chế tổ chức này được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và có hiệu lực thi hành ngay khi Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn biểu quyết thông qua.

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vì phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- ĐHDGD;
- TV HĐQT, Ban TGD, BKS;
- Lưu: VT, Thư ký.



NGÔ QUANG TRUNG



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN
 TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN BÀI VẬN TẢI SÀI GÒN
 (STP.JSC)
 Số: 05/BC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO
TỔNG KẾT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT
KINH DOANH NĂM 2021 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

Phần A

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TỔNG KẾT NĂM 2021

I/- Đặc điểm tình hình

Năm 2021 là năm đặc biệt khó khăn, 02 đợt dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19 (SARS-nCov-2) diễn biến nhanh chóng, khó lường:

+ Đợt dịch thứ nhất vào thời điểm cận Tết Nguyên đán Tân Sửu diễn biến phức tạp, nhu cầu đi lại của hành khách giảm, rất nhiều hành khách đặt vé đã huỷ chuyến, đòi trả vé. Một số tuyến như: Quảng Ninh, Hải Dương, Gia lai,... ngừng khai thác để phòng chống dịch. Một số đơn vị vận tải giảm số chuyến hoạt động.

+ Đợt dịch thứ hai bùng phát trở lại từ đầu tháng 5/2021 đến nay, lây lan ở nhiều tỉnh thành với tốc độ nhanh hơn, phạm vi rộng hơn và mức độ diễn biến bệnh nặng nguy hiểm hơn. Thực hiện các văn bản chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền về Quy định các biện pháp giãn cách xã hội, hạn chế lưu thông, cách ly xã hội, Bến xe An Sương và Bến xe Ngã Tư Ga đã dừng tất cả hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô (bao gồm: xe vận tải khách theo tuyến tuyến cố định liên tỉnh đi, đến và đi qua Thành phố Hồ Chí Minh, xe trung chuyển, xe buýt, xe taxi) đang hoạt động tại hai Bến xe.

Qua hai đợt dịch Covid-19, hoạt động kinh doanh chung của các đơn vị vận tải tại hai Bến xe khách thuộc Công ty cũng chịu ảnh hưởng rất lớn. Các hoạt động kinh doanh tại 2 bến xe trực thuộc Công ty xem như tạm ngừng hoạt động. Sản lượng xe xuất bến và hành khách qua bến giảm sâu so với cùng kỳ, Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong đó có việc thực hiện công tác thu công nợ của các đối tác hoạt động tại hai bến xe.

Mặt khác, giá xăng dầu tăng cao vào cuối tháng 10/2021: tăng cao nhất 7 năm qua ở trong nước và ở thế giới từ đầu năm đến nay cũng tăng lên 60% làm cho hoạt động kinh doanh vận tải thêm phần khó khăn.

Tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, biến tướng, tình trạng xe dù, bến cóc vẫn còn hoạt động dưới hình thức xe hợp đồng ảnh hưởng đến hoạt động vận tải hành khách liên tỉnh theo tuyến cố định tại các Bến xe khách liên tỉnh.

Những khó khăn lớn nêu trên đã ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Công ty đã điều chỉnh kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty do ảnh hưởng của yếu tố khách quan của dịch bệnh Covid-19.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021:

I. Về Sản xuất kinh doanh:

I.1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Số TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH Năm 2020	Kế Hoạch Năm 2021	TH 2021	So sánh (%)	
						TH2021 KH 2021	TH2021 TH 2020
	A	B	1	2	3	4=3/2	5=3/1
A	SẢN LƯỢNG						
<i>I</i>	<i>Xe khách liên tỉnh</i>						
1	Xe xuất bến	lượt	151.210	71.922	67.186	93,4	44,4
2	Hành khách qua bến	lượt	877.663	362.288	309.691	85,5	35,3
<i>II</i>	<i>Phương tiện lưu đậu</i>	lượt	245.395	172.595	194.928	112,9	79,4
<i>III</i>	<i>Xe hai bánh chở hàng hoá (Thực hiện từ T7/2020)</i>	lượt	295.140	445.025	498.394	112,0	168,9
<i>III</i>	<i>Xe buýt</i>						
1	Xe xuất bến	lượt	479.392	282.489	281.502	99,7	58,7
2	HK nội tỉnh qua bến	lượt	13.417.879	5.650.749	5.212.892	92,3	38,9
B	TỔNG DOANH THU	1000đ	42.100.356	28.899.959	28.911.839	100,0	68,7
C	TỔNG CHI PHÍ	1000đ	24.156.139	17.997.509	18.902.344	105,0	78,3
D	LỢI NHUẬN						
1	Trước thuế	1000đ	17.944.220	10.902.449	10.009.495	91,8	55,8
2	Sau thuế	1000đ	15.380.247	9.362.107	8.558.942	91,4	55,6
E	NỢP NGÂN SÁCH	1000đ	4.628.838	4.003.343	4.020.919	100,4	86,9
1	Thuế GTGT	1000đ	1.641.310	1.738.000	1.361.135	78,3	82,9
2	Thuế TNDN	1000đ	2.563.973	1.540.343	1.450.553	94,2	56,6
3	Thuế khác (thuế đất, MB, TNCN)	1000đ	423.555	725.000	1.209.231	166,8	285,5

F	THU NHẬP BÌNH QUÂN	1000đ	12.350	12.150	12.670	104,3	102,6
G	TIỀN LƯƠNG BÌNH QUÂN	1000đ	11.340	10.150	10.870	107,1	95,9
	- Tiền lương bình quân người lao động	1000đ			10.104		
	- Tiền lương bình quân người quản lý	1000đ			30.000		

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2021: 28.911.839.165 đồng, đạt 100% so với kế hoạch năm 2021 và 68,7 % so với thực hiện năm 2020.

- Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2021: 10.009.494.966 đồng, đạt 91,8% so với kế hoạch năm 2021, (Do năm 2021 thay đổi đơn giá thuê đất của Bến xe Ngã tư ga (từ tháng 1/2018 đến 31/12/2021) làm phát sinh tiền thuê đất bổ sung của năm 2021, đạt 55,8% so với lũy kế năm cùng kỳ.

1.2. Công tác khai thác vận tải và Kinh doanh dịch vụ.

Về công tác xe khách tuyến cố định: Tại Bến xe An Sương: Tổng số xe hoạt động là 661 xe, 82 đơn vị vận tải, khai thác trên 72 tuyến. Tại Bến xe Ngã Tư Ga: Tổng số xe đang hoạt động là 311 xe, 70 đơn vị vận tải, khai thác trên 70 tuyến.

Bến xe An Sương và Bến xe Ngã Tư Ga luôn bám sát, chủ động xây dựng kế hoạch, thực hiện tốt công tác phục vụ hành khách đặc biệt trong dịp cao điểm lễ tết như: Tết Dương lịch 2021, Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021, lễ 30/4 – 1/5, đảm bảo công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19, ANTT, PCCN, VSMT trong suốt thời gian phục vụ hành khách không bị ứ đọng tại bến và không xảy ra ùn tắc giao thông trong khu vực, công tác bán vé, điều hành phân luồng giao thông, các dịch vụ phục vụ được thực hiện tốt.

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, trong tháng 5, hoạt động vận tải khách theo tuyến cố định liên tỉnh phải thực hiện đảm bảo việc vận chuyển hành khách tối đa không quá 50% sức chứa, không quá 30 người/chuyến (Từ ngày 7/5/2021-21/5/2021); không quá 20 người/chuyến (Từ ngày 22/5/2021-30/5/2021); Trong tháng 6/2021, Bến xe An Sương thực hiện giãn cách xã hội toàn Thành phố theo Chỉ thị số 15/CT-TTg. Bến xe Ngã tư ga thuộc phường Thạnh Lộc, Quận 12 thực hiện giãn cách theo Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2021. Theo đó, Bến xe Ngã tư ga tạm dừng hoạt động vận tải hành khách công cộng từ ngày 31/5/2021 đến 14/6/2021. Tiếp đó, thực hiện nghiêm chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 19/6/2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, từ 20/6/2021-8/7/2021, hai bến xe trực thuộc công ty tạm dừng hoạt động vận tải hành khách công cộng đường bộ.

Tiếp tục trong Quý 3/2021, Bến xe An Sương và Bến xe Ngã Tư Ga tạm dừng tất cả hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô để thực hiện giãn cách xã hội toàn Thành phố theo tinh thần Chỉ thị 16/CT-TTg ngày 31/3/2020

của Thủ tướng chính phủ theo Công văn số 2279/UBND-VX ngày 08/7/2021 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh, Chi thị số 12/CT-TU ngày 22/7/2021 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Công văn số 2556/UBND-VX ngày 01/8/2021; Công văn số 2718/UBND-VX ngày 15/8/2021; Công văn số 3072/UBND-VX ngày 15/9/2021 và Chi thị số 18/CT-UBND ngày 30/9/2021 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Đến ngày 13/10/2021, Thực hiện theo quyết định 1777/QĐ/BGTVT ngày 10/10/2021 về việc tổ chức thí điểm khôi phục lại hoạt động vận tải, Bến xe An Sương và Bến xe Ngã tư ga Thực hiện tối thiểu 5% và tối đa không vượt quá 30% số chuyến trong 7 ngày của đơn vị theo lưu lượng đã được Sở GTVT công bố (số chuyến/tháng) và có giãn cách chỗ trên phương tiện (không áp dụng giãn cách đối với xe giường nằm).

Từ tháng 11/2021, thực hiện theo Quyết định 1812/QĐ-BGTVT ngày 16/10/2021 của Bộ Giao thông vận tải tạm thời tổ chức hoạt động vận tải hành khách đảm bảo thích ứng, an toàn linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19, một số tỉnh đã nối lại hoạt động VTHKLT, đáp ứng nhu cầu đi lại và tạo điều kiện cho người dân đi lại. Tuy nhiên, do tâm lý của hành khách chưa thật sự yên tâm khi dịch bệnh còn diễn biến phức tạp, nhu cầu đi lại của hành khách giảm (một số trường học chưa tổ chức lại học trực tiếp, chỉ học qua hình thức online, phần lớn học sinh sinh viên đã về quê, chưa quay lại thành phố Hồ Chí Minh,...), dẫn đến tình trạng các đơn vị vận tải phải giảm số chuyến hoạt động, một số đơn vị không có khách phải chuyển sang vận chuyển hàng hóa để bù đắp phần nào chi phí hoạt động. Do đó hoạt động sản xuất kinh doanh của Bến xe An Sương và Bến xe Ngã Tư Ga cũng bị tác động rất lớn, ảnh hưởng đến tình hình hoạt động chung của Công ty.

Trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội để phòng chống dịch Covid-19, Công ty cân đối, thực hiện hỗ trợ giảm một số khoản phí dịch vụ tháng 6,7,8,9,10,11 tại hai Bến xe nhằm chia sẻ khó khăn và đảm bảo cho các đơn vị vận tải, đối tác duy trì hoạt động.

Trong 6 tháng đầu năm, Công ty thường xuyên làm việc với các đơn vị vận tải tại hai bến xe về việc xe chạy không đúng biểu đồ giờ, thường xuyên bỏ tài chuyến, không đưa xe vào bến hoạt động, công tác công nợ.

Thực hiện việc ký kết lại tất cả các hợp đồng thương mại năm 2021 với các đối tác, khách hàng đang tham gia kinh doanh tại hai Bến xe, điều chỉnh đơn giá dịch vụ cho phù hợp với tình hình và điều kiện của 02 bến xe.

Phát triển thêm nhiều tuyến xe khách liên tỉnh mới, tăng cường thông tin đến các doanh nghiệp về quy hoạch tuyến phê duyệt theo Công văn số 11076/CV-BGTVT ngày 03/11/2020 và công văn số 12558/CV-BGTVT ngày 08/12/2020 về việc công bố điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết mạng lưới

tuyến VTHK cố định liên tỉnh đường bộ toàn quốc đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 của Bộ GTVT. Hiện nay, Bến xe An Sương được quy hoạch 104 tuyến với lưu lượng 35.735 chuyến/tháng, tại Bến xe Ngã tư Ga được quy hoạch 172 tuyến với lưu lượng 16,341 chuyến/tháng. Hai bến xe cũng đã làm việc với các đơn vị vận tải về việc mở tuyến mới, không có trong quy hoạch.

Sở GTVT đã ban hành Quyết định 1311/QĐ-SGTVT ngày 29/12/2021 công bố công suất Bến xe Ngã tư Ga, Quyết định 03/QĐ-SGTVT ngày 05/1/2021 công bố công suất Bến xe An Sương và ban hành Quyết định 1329/QĐ-SGTVT ngày 30/12/2021 công bố bến xe Bến xe An Sương đạt tiêu chuẩn bến xe khách loại 1 thời hạn 5 năm từ 30/12/2021-30/12/2026.

Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 theo hình thức trực tuyến, công bố thông tin đến Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Website Công ty về Biên bản, Nghị quyết và các nội dung sau Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2021.

Lập kế hoạch tổ chức khảo sát sự hài lòng của khách hàng, tuy nhiên do tình hình diễn biến dịch bệnh phức tạp nên đợt khảo sát được dời lại đợt khảo sát sau. Thường xuyên kiểm tra đảm bảo công tác Vệ sinh môi trường, Phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh thực phẩm; Ký hợp đồng mua Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc.

2. Công tác tài chính

Tình hình tài chính rõ ràng, minh bạch, chi trả lương, thưởng cho CBCNV theo đúng quy chế. Thực hiện tốt các quy định về Tài chính kế toán năm 2021 như: Báo cáo một số chỉ tiêu tình hình sản xuất kinh doanh về Tổng công ty; Báo cáo giám sát Tài chính của đại diện vốn Tổng Công ty; Lập báo cáo định kỳ tình hình sử dụng vốn huy động sau khi phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ thực hiện Dự án đầu tư nâng cấp Bến xe An Sương, Lập Báo cáo tài chính; Nộp tờ khai thuế và nộp các loại thuế GTGT, TNDN, TNCN đúng thời hạn quy định.

Công ty kiểm toán AFC đã thực hiện kiểm toán BCTC năm 2020. Ban Kiểm soát Công ty đã thực hiện kiểm tra, giám sát kiểm toán BCTC năm 2020 và các hoạt động Sản xuất kinh doanh năm 2020, 6 tháng đầu năm 2021, kết quả đều được đánh giá tình hình tài chính của Công ty là phản ánh trung thực, hợp lý rõ ràng và minh bạch.

Kết nối với nhà cung cấp hoá đơn điện tử trên hệ thống phần mềm Bravo, thực hiện ứng dụng hoá đơn điện tử theo TT32/2011/TT-BTC. Tiến hành triển khai các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

Công bố thông tin định kỳ đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội về Báo cáo tài chính năm 2020 đã được công ty kiểm toán AFC kiểm toán và báo cáo thường niên năm 2020.

Thực hiện việc chi thêm 6% cổ tức cho cổ đông trong năm 2019 và hoàn thành việc chi trả cổ tức cho cổ đông năm 2020 là 20% theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

3. Công tác đầu tư dự án, xây dựng công trình.

*** Dự án Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1)**

Dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng giai đoạn đầu (03 tầng dưới nhà điều hành và các hạng mục phụ trợ). Công ty đang thực hiện các thủ tục thanh quyết toán các hợp đồng; Lập Báo cáo quyết toán dự án.

*** Dự án Mở rộng Bến xe An Sương (4,8 ha)**

Thực hiện nghị quyết Đại hội Cổ Đông thường niên 2021, Công ty đã phối hợp với Phòng Tài nguyên môi trường huyện Hóc Môn và Ủy Ban nhân dân xã Bà Điểm thực hiện điều tra xã hội học các hộ dân trong phạm vi dự án. Công ty đã hoàn thành hồ sơ đề xuất dự án, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 của Công ty thông qua ngày 19/05/2021. Hiện tại, Công ty đã phối hợp các đơn vị tư vấn thực hiện Công tác khảo sát địa hình, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường... trình các cơ quan thẩm quyền thẩm định. Đến nay, Công ty đã trình Sở Giao thông vận tải thẩm định hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi, trình Sở Tài nguyên và môi trường thẩm định hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

*** Các công tác xây dựng cơ bản khác**

Tại Bến xe An Sương: Lắp đặt hệ thống chiếu sáng sân bãi; Lắp mái che cầu thang thoát hiểm; Thực hiện Nâng cấp mặt bãi; Bỏ sung mảng xanh, thảm cỏ; Sơn kẻ mặt đường, sân bãi; Lắp đặt bảng thông tin điện tử, thiết bị tra cứu thông tin tự động ... nhằm nâng cấp bến xe An Sương hiện hữu đạt quy chuẩn bến xe khách loại 1.

Tại Bến xe Ngã tư Ga: Thực hiện ngầm hóa đường ống cấp nước PCCC khu vực cổng vào; Cải tạo mặt đường khu vực cổng vào xe khách để lắp đặt BOT kiểm soát xe ra vào bến; Thay mái che lối đi bộ cho hành khách vào nhà ga; Lắp đặt bảng thông tin điện tử, thiết bị tra cứu thông tin tự động cho hành khách.

Thẩm tra, thẩm định hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Nhà dịch vụ hỗ trợ Bến xe Ngã tư Ga, trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

Thực hiện các công tác chuẩn bị đầu tư xin Mở dải phân cách Quốc lộ 1A trước cổng ra Bến xe Ngã tư Ga.

Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh Covid-19 từ tháng 5 năm 2021 trở đi diễn biến phức tạp, hoạt động kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, do đó một số hạng mục công trình tạm thời chưa thực hiện và sẽ triển khai trong năm 2022 nếu điều kiện cho phép.

4. Công tác hành chính nhân sự:

Tổng số lao động hiện nay là 99 người. Công ty có 3 lao động có trình độ Thạc sĩ, 30 lao động có trình độ Đại học. Điều này giúp đảm bảo cho bộ máy quản lý và cơ chế làm việc của lao động có trình độ chuyên môn luôn được đảm bảo.

Sau Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2021 – 2026 đã bầu Chủ tịch HĐQT, bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc đáp ứng các yêu cầu chỉ đạo điều hành SXKD tại Công ty.

Về công tác nhân sự: Tùy theo yêu cầu hoạt động của mỗi phòng ban, đơn vị, Công ty bố trí nhân sự làm việc phù hợp, vừa đủ theo yêu cầu về thực hiện giãn cách tại đơn vị, đồng thời vẫn đảm bảo được yêu cầu về công tác, đảm bảo mục tiêu kép vừa đảm bảo phòng chống dịch bệnh vừa phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, Công ty vẫn luôn theo dõi sâu sát các chế độ chính sách của các cơ quan ban ngành để chăm lo đầy đủ các chế độ cho Người lao động. Thực hiện theo Quyết định 23 Thủ tướng Chính phủ, Công ty đã thực hiện thủ tục đăng ký với Ủy ban nhân dân quận 12 hỗ trợ cho 77 Người lao động bị tạm hoãn thực hiện Hợp đồng lao động từ tháng 8 đến tháng 12 do ảnh hưởng của dịch bệnh; phối hợp với Cơ quan BHXH TP.HCM rà soát danh sách để thực hiện chính sách hỗ trợ Người lao động và Người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh theo Quyết định 28 của Thủ tướng Chính phủ.

Triển khai đào tạo nguồn nhân lực theo kế hoạch đề ra, nhất là đối với cán bộ diện quy hoạch, mạnh dạn đổi mới trong việc bố trí, luân chuyển cán bộ, nhân viên phù hợp với năng lực, sở trường công tác nhằm đáp ứng tốt yêu cầu SXKD của Công ty. Hiện nay, có 01 nhân sự đang học Thạc sĩ, 02 nhân sự đang học Đại học.

Quan tâm chăm lo Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021 cho người lao động, phối hợp cùng Công đoàn và Đoàn thanh niên chuẩn bị quà tết tổ chức thăm hỏi, chăm lo các đối tượng chính sách, gia đình khó khăn, cán bộ hưu trí.

Triển khai thực hiện đăng ký điều chỉnh lương cơ bản theo lương tối thiểu vùng và đăng ký với cơ quan Bảo hiểm xã hội điều chỉnh mức lương chức danh cơ bản đóng BHXH khi thay đổi lương tối thiểu vùng theo từ 01/01/2021. Thực hiện việc nâng bậc lương hằng năm theo đúng quy định, quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty. Chuẩn bị công tác thẩm định của Tổng công ty về sơ Hồ sơ Quỹ lương thực hiện 2020 và quỹ lương kế hoạch 2021. Xây dựng các phương án chi trả lương, giải trình các Yếu tố khách quan tác động đến sản xuất, kinh doanh để đảm bảo thực hiện Quỹ lương trong năm 2021.

Phối hợp với Công đoàn Công ty tổ chức Hội nghị Người lao động năm 2021 bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản và thảo luận thông qua Hội nghị trực tuyến giữa Đại diện người lao động và người sử dụng lao động. Qua đó,

Hội nghị đã thống nhất điều chỉnh, bổ sung nội dung Thỏa ước lao động tập thể phù hợp với quy định mới của Luật lao động với các điều khoản có lợi hơn cho người lao động của Công ty.

Công tác pháp chế đã từng bước hoàn thiện khung pháp lý cho các hoạt động của Công ty thông qua các công việc cụ thể: đẩy nhanh việc thực hiện kế hoạch rà soát, sửa đổi và xây dựng mới các văn bản quản lý nội bộ của Công ty như việc sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các Quy chế của Công ty trong năm 2021: Rà soát Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể để chuẩn bị công tác tổ chức Hội nghị đại biểu người lao động năm 2021. Dự thảo Giao ước thi đua 2021. Bên cạnh đó, Tổ Pháp chế cũng đã tiến hành tập hợp, nghiên cứu các văn bản pháp lý quan trọng có liên quan và tác động nhiều mặt đến hoạt động của Công ty như Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán,.... Điều chỉnh bổ sung Điều lệ Công ty, dự thảo điều chỉnh Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Tiếp tục bám sát theo dõi và làm việc với UBND Quận 12 để đôn đốc về công tác bàn giao theo quyết định của UBNDTP để hoàn tất quyết toán chuyển thể doanh nghiệp từ DNNN sang Công ty Cổ phần; Tiếp tục theo dõi thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất tại Bến xe An Sương sau khi bàn giao đất phục vụ xây dựng hầm chui An Sương và thực hiện thủ tục ký lại PLHĐ thuê đất tại Bến xe Ngã tư ga.

Hoàn thành việc đầu tư phần mềm quản lý xe ra vào bến theo đúng quy định của Bộ GTVT, đồng bộ phần cứng tại hai bến xe nhằm hoàn thiện quy trình tác nghiệp và công tác quản lý tại bến. Thực hiện truyền tải dữ liệu xe xuất bến về Tổng cục đường bộ theo quy định.

Tiếp tục duy trì và liên tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; quy trình tác nghiệp chuẩn SOP. Triển khai thực hiện các biện pháp thực hiện công tác vệ sinh môi trường, PCCN tại 2 Bến xe và Công ty về hưởng ứng Tháng hành động về An toàn – Vệ sinh lao động và Tháng công nhân năm 2021. Thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương trong các đợt cao điểm chống biểu tình gây rối tụ tập đông người.

Về công tác xã hội, Công ty đã đóng góp: Ủng hộ người nghèo phường Thạnh Lộc; Ủng hộ chương trình xã hội tập trung Tổng Cty năm 2021; Hỗ trợ chương trình "Cùng công nhân vượt khó" của Tổng công ty; Ủng hộ quỹ hội người mù Huyện Hóc Môn.

Triển khai tăng cường phòng, ứng phó dịch bệnh Viêm đường hô hấp cấp Covid-19 (SARS-nCov-2) gây ra như: Thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 tại đơn vị, xây dựng Phương án xử lý khi phát hiện ca nghi nhiễm tại đơn vị. Thực hiện nghiêm theo Bộ tiêu chí đánh giá hoạt động giao thông vận tải an toàn trong công tác phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn

Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 3324/QĐ-BCĐ ngày 15/9/2021 của Ban chỉ đạo Covid-19 TPHCM và quyết định số 3586/QĐ-BCĐ ngày 15/10/2021 của Ban chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19 Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành bộ tiêu chí đánh giá hoạt động giao thông vận tải an toàn trong công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn thành phố. Tăng cường thực hiện tổng vệ sinh, phun xịt sát khuẩn tại các phòng làm việc, nhà ga, phòng vé.... hai bến xe. Hai bến xe thường xuyên tuyên truyền trên hệ thống loa phát thanh, video clip về phòng chống lây nhiễm Covid 19, màn hình LED khu vực nhà ga. Nhân viên bảo vệ hai Bến xe thực hiện kiểm tra thân nhiệt tại các cổng ra vào và hướng dẫn hành khách thực hiện tốt công tác phòng chống dịch Covid19. Hai bến xe hướng dẫn hỗ trợ các Đơn vị vận tải, nhà xe, hành khách khai báo y tế theo đúng quy định. Ngoài ra, Công ty cũng đã phối hợp với các cơ quan, ban ngành, đăng ký chích vắc xin cho toàn thể Người lao động trong Công ty. Đến hiện tại, toàn bộ Công ty đã được tiêm vắc xin mũi 1 và 95/99 Người lao động đã tiêm mũi 2 (Trong đó còn 04 trường hợp chưa tiêm do là F0). Bên cạnh đó, Công ty đã triển khai đến 2 bến xe thường xuyên theo dõi, thăm hỏi, cập nhật tình hình sức khỏe của người lao động cũng như người nhà, triển khai các công tác hỗ trợ người lao động cũng như người thân của người lao động bị nhiễm bệnh Covid-19 (F0).

III. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Những mặt làm được:

Được sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ của lãnh đạo Tổng Công ty, các cơ quan ban ngành có liên quan có chất lượng và đạt yêu cầu đem lại sự thống nhất cao trong tập thể CBCNV toàn Công ty. Đặc biệt, Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ 2016-2026 đã diễn ra thành công tốt đẹp.

Trong thời gian dịch bệnh Covid 19, Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh của Công ty thường xuyên họp trực tuyến kiểm tra, giám sát nhắc nhở các đơn vị thực hiện tốt công tác phòng chống dịch, không được lơ là chủ quan. Công ty đã xây dựng phối hợp trong công tác ngăn ngừa và triển khai các biện pháp ứng phó kịp thời với các tình huống xảy ra, để phù hợp theo yêu cầu về thực hiện giãn cách tại đơn vị, đồng thời vẫn đảm bảo được yêu cầu về công tác, đảm bảo mục tiêu kép vừa đảm bảo phòng chống dịch bệnh vừa phát triển kinh tế.

Để đảm bảo kế hoạch tài chính trong tình hình biến động của hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 do ảnh hưởng của dịch Covid-19, Công ty tăng cường công tác quản lý tài chính, kiểm soát nội bộ, thực hiện các biện pháp tiết kiệm tối đa các chi phí quản lý,.. quản lý tốt dòng tiền, chấp hành nghiêm quy định chế độ quản lý tài chính, thực hiện và tuân thủ các quy định của nhà nước, nội quy, quy chế của Tổng Công ty, công ty trong công tác kinh doanh và quản lý điều hành. Chú trọng phân tích đánh giá tình hình tài chính một cách nhanh

chống chính xác kịp thời để có kế hoạch triển khai phù hợp. Đảm bảo bảo toàn và phát triển vốn nhà nước và các cổ đông tại đơn vị.

Duy trì mối đoàn kết nội bộ, tạo sự đồng thuận nhất trí cao, nhờ đó việc triển khai các chủ trương, Nghị quyết đều được thuận lợi. Công ty đã cụ thể hóa chi tiết và triển khai kịp thời các kế hoạch, nhiệm vụ được Tổng công ty giao; Thực hiện đầy đủ các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 và Nghị quyết Hội đồng quản trị.

Một năm với nhiều khó khăn và biến động, tuy nhiên, với sự năng động, sáng tạo và quyết liệt của Ban Điều hành Công ty và sự đồng lòng nhất trí của Hội Đồng Quản trị và tập thể CBCNV đã lãnh đạo duy trì ổn định tình hình SXKD, Doanh thu năm 2021 ước đạt 100 % so với kế hoạch năm 2021, Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 91,8 % so với kế hoạch năm 2021 (do năm 2021 thay đổi đơn giá thuê đất của Bến xe Ngã tư ga (từ t1/2018 đến 31/12/2021) làm phát sinh tiền thuê đất bổ sung của năm 2021).

Công tác giữ gìn an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường được quan tâm thường xuyên cộng với sự quan tâm hỗ trợ của chính quyền địa phương trong công tác phối hợp giữ gìn an ninh trật tự đã mang lại hiệu quả, tạo sự an tâm cho hành khách.

2. Những mặt còn tồn tại và nguyên nhân:

- Công tác Quyết toán chuyển thể giai đoạn Công ty Nhà nước sang Công ty Cổ phần: Các phòng ban, đơn vị vẫn tích cực liên hệ cơ quan Sở ngành để giải quyết nhưng đến nay chưa thực hiện xong do phía đối tác là Ủy ban nhân dân Quận 12 chưa nhận bàn giao, còn kiến nghị lên Thành phố xin ý kiến.

Phần B

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH TRONG NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2022

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH NĂM 2022:

Trong năm 2022, tình hình dịch bệnh Covid-19 trên thế giới và ở Việt Nam sẽ vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, dự báo kinh tế vĩ mô vẫn tiếp tục còn nhiều khó khăn thách thức, hoạt động vận tải hành khách liên tỉnh từng bước được tổ chức hoạt động lại theo lộ trình diễn biến của dịch bệnh đảm bảo “Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát dịch COVID-19”. Bên cạnh đó, thiên tai, mưa lũ vào tại các tỉnh Miền Trung diễn biến khó lường ảnh hưởng rất lớn đến lượng xe, khách trên các tuyến đi, đến các tỉnh Miền Bắc, Miền Trung, Tây Nguyên. Từ đó, ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động vận tải hành khách tại Công ty.

Hoạt động của các phương tiện ngoài tuyến cố định còn tiếp tục gia tăng, thị trường vận tải liên tỉnh ngày càng cạnh tranh khốc liệt với hàng không, đặc biệt là hàng không giá rẻ, tàu hoả, phương tiện cá nhân,... do đó tình hình sản xuất kinh doanh tại các bến xe tiếp tục gặp khó khăn.

Quy định quy hoạch luồng tuyến của Bộ giao thông Vận tải chưa được tháo gỡ nên việc bổ sung thêm xe vào các bến thuộc Công ty là rất hạn chế.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2022:

1. Công ty tiếp tục tuân thủ các Chỉ thị, các chỉ đạo của Chính phủ, UBND TPHCM, các Sở ngành về Quy định phòng chống dịch Covid 19 và những quy định về sức khỏe, an toàn tại nơi làm việc, tăng cường phòng, ứng phó dịch bệnh Covid-19 trong tình hình mới nhằm đảm bảo tập trung thực hiện linh hoạt, hiệu quả mục tiêu vừa phòng, chống dịch Covid-19 vừa phục hồi, phát triển sản xuất kinh doanh năm 2022.

2. Bám sát thực hiện những định hướng của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022, thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 2022.

3. Xây dựng và phối hợp các Doanh nghiệp vận tải triển khai phục vụ tốt nhu cầu đi lại của hành khách, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, gắn với phòng, chống dịch COVID-19 trong các đợt cao điểm lễ tết trong năm.

4. Triển khai các văn bản quy phạm về lĩnh vực giao thông vận tải, cập nhật tình hình các tuyến vận tải hành khách được khôi phục hoạt động, phối hợp với các đơn vị vận tải trong các công tác mở tuyến mới và bổ sung, thay thế xe vào hoạt động thông qua việc cập nhật, điều chỉnh, bổ sung các thủ tục, hồ sơ online trên trang web “Hệ thống dịch vụ công trực tuyến” của Bộ Giao thông vận tải.

5. Tiếp tục triển khai dự án mở rộng Bến xe An Sương (4,8 ha), theo Nghị quyết HĐQT Công ty. Chính trang cơ sở hạ tầng bến bãi từng bước đạt quy chuẩn bến xe khách loại I nhằm thu hút các Doanh nghiệp vận tải vào bến.

6. Sử dụng vốn hiệu quả, tập trung thực hành tiết kiệm chống lãng phí, nâng cao hiệu quả quản lý của doanh nghiệp, quản lý chi phí theo từng chi tiêu được phê duyệt trong kế hoạch.

7. Áp dụng Công nghệ thông tin vào công tác quản lý điều hành một cách triệt để, có hiệu quả. Đẩy mạnh việc phát động các phong trào thi đua, phát huy sáng kiến, giải pháp mới.

8. Tổ chức đào tạo nâng cao chất lượng trình độ đội ngũ Cán bộ Công nhân viên đảm bảo yêu cầu công việc, tổ chức sắp xếp lại bộ máy đảm bảo hoạt động hiệu quả.

9. Chú trọng công tác PCCN, VSMT, ANTT tại hai bến, tuân thủ theo quy định của nhà nước, giữ vững danh hiệu 2 Bến xe là “Bến xe an toàn văn minh” tiếp tục triển khai việc nâng chất lượng dịch vụ tại bến xe.

III. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2022
1	Doanh thu	1000đ	30.258.000

2	Lợi nhuận trước thuế	1000đ	10.010.880
3	Lợi nhuận sau thuế	1000đ	8.008.704
4	Nộp ngân sách	1000đ	5.131.000
5	Tiền lương bình quân tháng		
	- Tiền lương bình quân người lao động	1000đ	10.104
	- Tiền lương bình quân Người quản lý	1000đ	31.000
6	Kế hoạch Đầu tư	1000đ	17.200.000

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Công tác khai thác kinh doanh vận tải:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục thực hiện nghiêm theo các văn bản chỉ đạo có liên quan của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải, Sở giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh và của Tổng Công ty về công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19. Tăng cường công tác kiểm tra các đơn vị trực thuộc về triển khai và thực hiện nghiêm công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19. Tiếp tục thực hiện Báo cáo đến Sở GTVT, Tổng Công ty tình hình tại Công ty về công tác phòng, chống dịch bệnh Corvid 19.

Rà soát tình hình hoạt động và phối hợp làm việc với các Đơn vị vận tải để cùng tháo gỡ, chia sẻ khó khăn trong thời gian ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 tiếp tục đưa xe vào bến hoạt động. Hỗ trợ tích cực các Đơn vị vận tải mới đăng ký vào hoạt động tại bến.

Tiếp tục thực hiện tốt và tuyên truyền đến các đơn vị vận tải đang hoạt động tại Bến xe cùng thực hiện tốt các quy định của nhà nước về quản lý hoạt động vận tải. Tiếp tục triển khai công tác tuyên truyền nâng cao ý thức phòng chống dịch bệnh cho nhà xe, lái xe và hành khách trong bến. Thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở, xử lý các trường hợp không chấp hành các biện pháp phòng chống dịch.

Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện tốt công tác phục vụ hành khách trong các dịp cao điểm lễ tết: Tết dương lịch 2022, Tết Nguyên đán Nhâm Dần năm 2022, lễ Giỗ tổ Hùng Vương, lễ 30/4 – 1/5, lễ 2/9 tại Bến xe Ngã Tư Ga và Bến xe An Sương, làm việc với các đơn vị vận tải để chuẩn bị tốt phương án điều động phương tiện, đảm bảo Công tác phòng chống dịch Covid-19, tình hình an toàn giao thông, ANTT, PCCN, VSMT.

Đẩy mạnh việc tìm kiếm nguồn khách hàng mới nhằm gia tăng nguồn thu. Tiếp tục phát triển thêm nhiều tuyến xe khách liên tỉnh mới, tăng cường thông

tin đến các doanh nghiệp về quy hoạch tuyến phê duyệt theo Công văn số 11076/CV-BGTVT ngày 03/11/2020 và công văn số 12558/CV-BGTVT ngày 08/12/2020 về việc công bố điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết mạng lưới tuyến VTHK cố định liên tỉnh đường bộ toàn quốc đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 của Bộ GTVT, từ đó mời gọi các đơn vị tham gia khai thác tuyến, đẩy mạnh hoạt động tìm kiếm đối tác chiến lược.

Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tiêu cực; Thực hiện tốt việc công khai, dân chủ minh bạch hóa tất cả các hoạt động của Công ty; Tiến hành kiểm tra giám sát định kỳ công tác quản lý tại các đơn vị sớm phát hiện các tồn tại từ đó đề ra các biện pháp khắc phục hiệu quả.

Tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ hành khách, trong đó tập trung việc đào tạo kỹ năng giao tiếp, văn hóa ứng xử, xây dựng thái độ phục vụ của CBCNV văn minh lịch sự, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hành khách, duy trì, tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng, đáp ứng kịp thời các yêu cầu khách hàng đặc biệt là các khách hàng lớn, lâu năm.

Xây dựng các quy trình tác nghiệp chuẩn, nâng cao thái độ phục vụ khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ theo hướng tin học hóa, hiện đại hóa như: xây dựng các khu vực để lắp đặt phần mềm tra cứu thông tin để hành khách dễ dàng tìm hiểu các thông tin cần thiết liên quan đến bến xe (thông tin chuyến xe, thời gian xuất bến, giá vé,...); xây dựng phần mềm bán vé điện tử, phần mềm thanh toán online để giúp hành khách thuận tiện trong việc mua vé và thanh toán nhanh chóng, hiệu quả.

2. Công tác tài chính:

Triển khai thực hiện ứng dụng hoá đơn điện tử theo theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP và Thông tư 78/2021/TT-BTC. Tiếp tục hoàn thiện các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

Đảm bảo dòng tiền sẵn sàng cho việc triển khai cải tạo sửa chữa tại Bến xe Ngã tư ga và Bến xe An Sương.

Thực hiện đúng công tác kế toán tài chính và kiểm tra tài chính định kỳ theo quy định, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước.

Tăng cường công tác quản lý tài chính, kiểm soát nội bộ, quản lý chặt chẽ tình hình công nợ, chấp hành nghiêm quy định chế độ quản lý tài chính, thực hiện và tuân thủ các quy định của nhà nước, nội quy, quy chế của Tổng Công ty, Công ty trong công tác kinh doanh và quản lý điều hành. Chú trọng phân tích đánh giá tình hình tài chính một cách nhanh chóng chính xác kịp thời để có kế hoạch triển khai phù hợp.

Tăng cường quản lý, bảo toàn và nâng cao hiệu quả đồng vốn, đảm bảo quyền lợi và lợi hợp pháp của Công ty, cổ đông và người lao động.

Thực hiện đầy đủ các quy định đối với Công ty đại chúng đã lên sàn UPCOM theo luật Chứng khoán.

Chủ động liên hệ với chi cục Tài chính doanh nghiệp để được hướng dẫn thực hiện quyết toán chuyển thể Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty Cổ phần.

3. Công tác đầu tư:

- **Dự án Đầu tư nâng cấp Bến xe An Suông (giai đoạn 1):** Tiếp tục thực hiện quyết toán giai đoạn đầu của dự án.

- **Dự án Mở rộng Bến xe An Suông 4,8 ha:** Tiếp tục thực hiện các công tác chuẩn bị đầu tư dự án: Theo dõi kết quả thẩm định hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm định hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Trình Đại hội đồng cổ đông năm 2022 phê duyệt dự án và triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

- **Các công tác xây dựng cơ bản khác:**

* **Tại Bến xe Ngã tư Ga:**

- Công trình Nhà dịch vụ hỗ trợ: Trình duyệt hồ sơ Kế hoạch bảo vệ môi trường; Nộp hồ sơ xin Giấy phép xây dựng; Triển khai thi công khi tình hình kinh doanh Công ty phục hồi sau đại dịch Covid-19.

- Xem xét triển khai Nâng cấp Hệ thống xử lý nước thải khi tình hình kinh doanh của Công ty phục hồi sau đại dịch Covid-19.

- Hoàn thiện hồ sơ pháp lý và triển khai thi công Mở dải phân cách Quốc lộ 1A trước cổng ra Bến xe Ngã tư Ga.

- Bảo trì hệ thống điện, PCCC, chống sét, cấp thoát nước; Bảo trì khu văn phòng, khu dịch vụ.

- Lắp đặt camera tầm soát nhiệt trong nhà ga đáp ứng Bộ tiêu chí đánh giá hoạt động giao thông vận tải an toàn trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

* **Tại Bến xe An Suông:** Tiếp tục thực hiện công tác bảo trì các hạng mục công trình hiện hữu của bến xe; Bảo trì, sửa chữa thường xuyên hệ thống điện, cấp thoát nước, xử lý nước thải, hệ thống PCCC, chống sét; ...; Lắp đặt camera tầm soát nhiệt trong nhà ga đáp ứng Bộ tiêu chí đánh giá hoạt động giao thông vận tải an toàn trong công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Công tác nhân sự hành chính:

Trong năm 2022, tùy theo yêu cầu hoạt động của mỗi phòng ban, đơn vị, Công ty sẽ tiếp tục bố trí nhân sự làm việc phù hợp, vừa đủ theo yêu cầu về sức khỏe, an toàn tại nơi làm việc, đồng thời vẫn đảm bảo được yêu cầu về công tác; đổi mới trong việc bố trí, luân chuyển cán bộ, nhân viên phù hợp với năng lực, sở trường công tác nhằm đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuân thủ đúng các quy định pháp luật và quy chế quy định của Công ty về chế độ trả lương trả thưởng, đảm bảo các chế độ, thu nhập, quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động theo thỏa ước lao động. Đảm bảo nhân sự khi quay lại làm việc được bố trí đúng vị trí công việc theo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và theo vị trí làm việc ban đầu. Cố gắng đảm bảo 100% CB.CNV được tiêm Vacxin (đủ mũi 2) trước khi quay lại làm việc.

Rà soát đánh giá và bổ sung cán bộ quy hoạch theo đúng quy định và triển khai đào tạo nguồn nhân lực theo kế hoạch đề ra, nhất là đối với cán bộ diện quy hoạch.

Tiếp tục hỗ trợ người lao động tự đào tạo, tổ chức các khóa đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, huấn luyện nghiệp vụ an vệ sinh lao động, phòng cháy chữa cháy, ...

Tổ chức thành công các Hội nghị, Đại hội quan trọng năm 2022 như: Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2022. Hội Nghị người lao động; Hội nghị Tổng kết công tác xây dựng Đảng và Sản xuất kinh doanh.

Tăng cường công tác kiểm tra về an toàn lao động, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường trong toàn Công ty; đảm bảo tuyệt đối an toàn tính mạng và tài sản cho hành khách và khách hàng.

Nghiêm túc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, gắn trách nhiệm của lãnh đạo các phòng, ban, đơn vị trong việc triển khai các nhiệm vụ SXKD đảm bảo hoạt động đồng đều và hiệu quả. Đồng thời, phát huy trí tuệ tập thể trong điều hành tổ chức. Tổ chức Hội nghị đối thoại định kỳ và báo cáo các cơ quan quản lý đúng quy định.

Tiếp tục quản lý điều hành thường xuyên theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và Quy trình tác nghiệp chuẩn SOP. Phối hợp công ty TUV NORD đánh giá nội bộ năm 2021.

Phát động các phong trào thi đua và tổ chức thực hiện tốt trên các lĩnh vực, thực hành tiết kiệm, khuyến khích phát huy sáng kiến cải tiến, giải pháp, hợp lý hóa SXKD tạo động lực thúc đẩy SXKD đạt hiệu quả. Phần đầu có ít nhất 6 sáng kiến hoặc giải pháp và ít nhất 3 chiến sĩ thi đua cấp cơ sở.

Tiếp tục rà soát sửa đổi bổ sung Dự thảo các quy chế quy định của Công ty: Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, các quy trình quản lý, các quy trình tác nghiệp,.... đảm bảo chặt chẽ, đồng bộ và hiệu quả, phù hợp với pháp luật và tình hình thực tế tại Công ty.

Tiếp tục theo dõi liên hệ các cơ quan, ban ngành để hoàn thành công tác bàn giao chi phí đền bù, giải tỏa xây dựng Bến xe Ngã Tư Ga; Thực hiện thủ tục ký lại PLHD thuê đất tại Bến xe Ngã tư ga; Theo dõi thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Bến xe An Sương (điều chỉnh giám theo Quyết định thu hồi đất của UBND Huyện Hóc Môn về Dự án Hầm chui Bến xe An Sương).

Tiếp tục triển khai tăng cường các biện pháp phòng, ứng phó dịch bệnh Viêm đường hô hấp cấp Covid-19. Tiếp tục duy trì, tăng cường công tác giữ gìn an ninh trật tự, an toàn giao thông, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường trong toàn Công ty; Đảm bảo tuyệt đối an toàn tính mạng và tài sản cho hành khách.

Duy trì hoạt động tốt của các tổ chức Đoàn thể. Tiếp tục tích cực tham gia công tác đền ơn đáp nghĩa, đóng góp các quỹ tài trợ do địa phương và Tổng Công ty phát động, tích cực tham gia các hoạt động từ thiện xã hội khác.



III/- Đề xuất - kiến nghị:

Tiếp tục kiểm tra chấn chỉnh các vi phạm trong hoạt động vận tải, tình trạng xe dù trá hình bằng hình thức hợp đồng, đón trả khách không đúng quy định, không thực hiện đúng biểu đồ chạy xe.

Đề nghị Tổng Công ty cùng với Chi cục Tài chính doanh nghiệp hỗ trợ Công ty các thủ tục để Công ty sớm hoàn thành công tác quyết toán chuyển thể doanh nghiệp từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty Cổ phần./.

Nơi nhận:

- Tổng Công ty;
- Các phòng, 2 Bến xe;
- Lưu: VT, PTTT (01b),N.7.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Hiếu

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện đầu tư năm 2021 và kế hoạch đầu tư năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thực hiện đầu tư năm 2021 và kế hoạch đầu tư năm 2022 như sau:

1. Kết quả thực hiện đầu tư năm 2021

1.1. Dự án Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1)

Dự án Đầu tư, nâng cấp bến xe An Sương (giai đoạn 1) có tổng mức đầu tư khoảng khoảng 37,011 tỷ đồng, bao gồm các hạng mục: xây dựng khu nhà ga chính 6 tầng, đường dẫn có mái che, cài tạo toàn bộ khu dịch vụ, nhà vệ sinh, làm công, biển hiệu bến xe, phân khu chức năng bến xe.

Ngày 15/03/2019, Hội đồng quản trị Công ty ban hành Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT thống nhất phân kỳ dự án “Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1)” thành 02 giai đoạn đầu tư. Giai đoạn đầu xây dựng 03 tầng dưới nhà điều hành và các hạng mục phụ trợ (trừ khu vệ sinh công cộng số 3). Giai đoạn sau xây dựng 03 tầng trên còn lại của nhà điều hành và khu vệ sinh công cộng số 3. Thời gian thực hiện giai đoạn sau sẽ tùy thuộc vào nhu cầu khai thác thực tế.

Dự án được khởi công ngày 05/8/2019, đến nay đã hoàn thành và đưa vào sử dụng giai đoạn đầu (03 tầng dưới nhà điều hành và các hạng mục phụ trợ).

1.2. Dự án Mở rộng Bến xe An Sương (4,8 ha)

Dự án Mở rộng Bến xe An Sương được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận chủ trương theo văn bản số 3460/UBND-ĐTMT ngày 12/7/2011: “*Đồng ý về chủ trương giao cho Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn tổ chức khảo sát, lập dự án đầu tư cài tạo, mở rộng Bến xe An Sương hiện hữu với quy mô diện tích 48.000 m² đã được Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn thỏa thuận tại Công văn 858/UBND ngày 15/6/2011...*”.



Thực hiện chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố, Công ty đã triển khai thực hiện các công tác chuẩn bị đầu tư:

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc chấp thuận bản vẽ Tổng mặt bằng phương án kiến trúc công trình (tỷ lệ 1/500) theo công văn số 1611/SQHKT-HTKT ngày 04/6/2012.

- Lập hồ sơ dự án đầu tư và thiết kế cơ sở trình Tổng Công ty Samco xem xét với Tổng mức đầu tư khoảng 1.800 tỷ đồng.

- Báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Thủ tướng chính phủ điều chỉnh quy mô diện tích của dự án (điều chỉnh từ 1,6 ha theo quyết định 568/QĐ-TTg ngày 08/4/2013 của Thủ tướng chính phủ lên quy mô diện tích 4,8 ha). **Thủ tướng chính phủ đã đồng ý điều chỉnh quy hoạch mở rộng bến xe An Sương theo văn bản số 436/TTg-KTN ngày 07/4/2014.**

- Đăng ký kế hoạch sử dụng đất (Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua theo Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 07/12/2017).

Ngày 22/4/2019, Đại hội đồng cổ đông Công ty ban hành Nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCĐ theo đó thống nhất chủ trương tiếp tục thực hiện dự án Mở rộng Bến xe An Sương (4,8ha). Thực hiện nghị quyết số 29/NQ-ĐHĐCĐ, Công ty đã phối hợp Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng, Phòng Tài nguyên – Môi trường huyện Hóc Môn thực hiện công tác điều tra xã hội học các hộ dân trong phạm vi dự án.

Hồ sơ dự án đầu tư dự án “Mở rộng Bến xe An Sương” được lập năm 2013, đến thời điểm hiện tại không còn phù hợp. Công ty đã thuê đơn vị tư vấn lập Đề xuất dự án nhằm đánh giá lại các nội dung của dự án như: Quy mô và hình thức đầu tư xây dựng; Dự kiến thời gian thực hiện; Phân kỳ đầu tư; Sơ bộ tổng mức đầu tư, phương án huy động vốn; khả năng hoàn vốn; Xác định hiệu quả kinh tế xã hội dự án.... Công ty đã hoàn thành hồ sơ đề xuất dự án, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty thông qua ngày 19/05/2021.

Tiếp theo, Công ty đã phối hợp các đơn vị tư vấn thực hiện Công tác khảo sát địa hình, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi; lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường ... trình các cơ quan thẩm quyền thẩm định. Đến nay, Sở Giao thông vận tải đã thẩm định xong hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi.

Sở Tài nguyên và môi trường đang thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và đề nghị Chủ đầu tư xem lại pháp lý về chủ trương đầu tư. Công ty đang chuẩn bị hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận giao cho Công ty

tiếp tục làm chủ đầu tư dự án Mở rộng Bến xe An Sương theo quy định của Luật đầu tư số 61/2020/QH14.

1.3. Các công tác khác

Tại Bến xe An Sương: Lắp đặt hệ thống chiếu sáng sân bãi; Lắp mái che cầu thang thoát hiểm; Thực hiện Nâng cấp mặt bãi; Bổ sung mảng xanh, thảm cỏ; Sơn kẻ mặt đường, sân bãi; Lắp đặt bảng thông tin điện tử, thiết bị tra cứu thông tin tự động trong nhà ga... nhằm nâng cấp bến xe An Sương hiện hữu đạt quy chuẩn bến xe khách loại 1.

Tại Bến xe Ngã tư Ga: Thực hiện ngầm hóa đường ống cấp nước PCCC khu vực công vào; Cải tạo mặt đường khu vực công vào xe khách để lắp đặt BOT kiểm soát xe ra vào bến; Thay mái che lối đi bộ cho hành khách vào nhà ga; Lắp đặt bảng thông tin điện tử, thiết bị tra cứu thông tin tự động cho hành khách.

Công trình Nhà dịch vụ hỗ trợ Bến xe Ngã tư Ga: tiếp tục thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư: Thẩm tra, thẩm định hồ sơ Báo cáo kinh tế kỹ thuật, trình Hội đồng quản trị phê duyệt; Thẩm định Kế hoạch bảo vệ môi trường.

Thực hiện các công tác chuẩn bị đầu tư xin Mở dải phân cách Quốc lộ 1A trước công ra Bến xe Ngã tư Ga (Lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật, xin ý kiến chấp thuận của Sở GTVT và Trung tâm quản lý hạ tầng giao thông đường bộ).

Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh Covid-19 từ tháng 5 năm 2021 trở đi diễn biến phức tạp, hoạt động kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, do đó một số hạng mục công trình tạm thời chưa thực hiện và sẽ triển khai trong năm 2022 nếu điều kiện cho phép.

2. Kế hoạch năm 2022

Hiện tại, tình hình dịch bệnh Covid-19 vẫn còn đang diễn biến rất phức tạp, ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kế hoạch đầu tư năm 2022 Công ty ưu tiên thực hiện trước các hạng mục công trình mang tính cấp bách.

2.1. Dự án Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1)

Tiếp tục thực hiện công tác quyết toán giai đoạn đầu của dự án.

2.2. Dự án Mở rộng Bến xe An Sương 4,8 ha

Tiếp tục thực hiện các công tác chuẩn bị đầu tư dự án: Gửi hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố chấp thuận chủ trương giao cho Công ty tiếp tục làm chủ đầu tư dự án "Mở rộng Bến xe An Sương" theo quy định của Luật đầu tư số 61/2020/QH14, trình thẩm định hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường.



Trình Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt dự án và triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

2.3. Các công tác khác

2.3.1. Tại Bến xe Ngã tư Ga:

- Công trình Nhà dịch vụ hỗ trợ: Nộp hồ sơ xin Giấy phép xây dựng; Triển khai thi công khi tình hình kinh doanh Công ty phục hồi sau đại dịch Covid-19.
- Xem xét triển khai Nâng cấp Hệ thống xử lý nước thải khi tình hình kinh doanh của Công ty phục hồi sau đại dịch Covid-19.
- Hoàn thiện hồ sơ pháp lý và triển khai thi công Mở dải phân cách Quốc lộ 1A trước cổng ra Bến xe Ngã tư Ga.
- Bảo trì hệ thống điện, PCCC, chống sét, cấp thoát nước; Bảo trì khu văn phòng, khu dịch vụ; Thay mái tole, chống dột Nhà ga hành khách.
- Lắp đặt bổ sung camera khu vực sân bãi.

2.3.2. Tại Bến xe An Sương:

- Thực hiện công tác bảo trì các hạng mục công trình hiện hữu của bến xe;
- Ốp vách bao che mặt sau khu vực Nhà điều hành, nhà xe 02 bánh.
- Sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống điện, nước, thoát nước, PCCC; chống sét...

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KHĐT (01b).Đ.5.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Quang Trung

Số: 10/BC-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 6 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NĂM 2021 PHƯƠNG HƯỚNG 2022

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn được sửa đổi, bổ sung ngày 19/5/2021;

Căn cứ theo Nghị quyết số 24/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/5/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (Công ty) xin báo cáo và đánh giá công tác quản lý và kinh doanh của Công ty trong năm 2021 và phương hướng năm 2022 như sau:

I/- Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021

1.1. Về tổ chức nhân sự: Số lượng bộ máy điều hành của Hội đồng quản trị Công ty là 05 người.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
I	Thành viên Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2021-2026		
1	Ngô Quang Trung	Chủ tịch HĐQT	Giữ chức vụ từ ngày 19/5/2021 đến nay
2	Trần Hiếu	Thành viên HĐQT	Giữ chức vụ từ ngày 19/5/2021 đến nay
3	Lê Thủy Hằng	Thành viên HĐQT	Giữ chức vụ từ ngày 19/5/2021 đến nay
4	Nguyễn Xuân Điền	Thành viên HĐQT	Giữ chức vụ từ ngày 19/5/2021 đến nay
5	Phan Thị Trang	Thành viên HĐQT	Giữ chức vụ từ ngày 19/5/2021 đến nay

1.2. Thù lao chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và các Thành viên Hội đồng quản trị

Họ và Tên	Chức vụ	Tiền lương	Tiền thù lao	Tiền thưởng
Ngô Quang Trung	Chủ tịch HĐQT		84.000.000	10.683.889
Trần Hiếu	TV.HĐQT Tổng giám đốc	383.843.275	60.000.000	67.003.455



Lê Thúy Hằng	TV.HĐQT TP. Phát triển Thị trường	195.978.479	60.000.000	8.497.889
Nguyễn Xuân Điền	TV.HĐQT		60.000.000	6.078.333
Phan Thị Trang	TV.HĐQT		35.168.000	3.000.000

1.4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

Trong năm 2021, tại công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải sai gòn không có các giao dịch kinh tế, đầu tư có liên quan đến những đối tượng trên.

II. Về thực hiện nhiệm vụ:

1. Công tác chỉ đạo thực hiện các chỉ tiêu Sản xuất Kinh doanh:

Năm 2021 là năm đặc biệt khó khăn, 02 đợt dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19 (SARS-nCov-2) diễn biến nhanh chóng, khó lường. Qua hai đợt dịch Covid-19, hoạt động kinh doanh chung của các đơn vị vận tải tại hai Bến xe khách thuộc Công ty cũng chịu ảnh hưởng rất lớn. Các hoạt động kinh doanh tại 2 bến xe trực thuộc Công ty xem như tạm ngừng hoạt động. Sản lượng xe xuất bến và hành khách qua bến giảm sâu so với cùng kỳ, Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong đó có việc thực hiện công tác thu công nợ của các đối tác hoạt động tại hai bến xe.

Dù trải qua một năm với nhiều khó khăn thách thức nhưng nhờ sự đoàn kết và nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBCNV, sự ủng hộ của đối tác khách hàng nên Công ty đã hoàn thành chỉ tiêu doanh thu. Việc thực hiện các chỉ tiêu Sản xuất kinh doanh năm 2021 đạt được như sau:

- Tổng doanh thu thực hiện năm 2021: 28.911.839.165 đồng đạt 100% so với kế hoạch năm 2021 và 68,7 % so với thực hiện năm 2020.

- Lợi nhuận trước thuế thực hiện năm 2021: 10.009.494.966 đồng đạt 91,8 % so với kế hoạch năm 2021 và 55,8 % so với thực hiện năm 2020.

- Lợi nhuận sau thuế thực hiện năm 2021: 8.558.941.671 đồng đạt 91,1% so với kế hoạch năm 2021 và 55,6 % so với thực hiện năm 2020. (do năm 2021 thay đổi đơn giá thuê đất của Bến xe Ngã tư ga (từ tháng 1/2018 đến 31/12/2021) làm phát sinh tiền thuê đất bổ sung của năm 2021).

- Nộp NSNN thực hiện năm 2021: 4.020.919.407 đồng đạt 100,4% so với kế hoạch năm 2021 và đạt 86,9 % so với thực hiện năm 2020.

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	KH 2021	TH 2021	Tỷ lệ TH/KH
I	Các chỉ tiêu tài chính				
1	Tổng Doanh thu	Tr đồng	28.900	28.912	100,0
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr đồng	10.902	10.009	91,8
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	9.362	8.559	91,4
4	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	%	18,72	17,12	91,4
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10-15	12	
6	Nộp ngân sách	Tr đồng	4.003	4.021	100,4
II	Các chỉ tiêu về đầu tư				
	Tổng mức đầu tư	Tr đồng	25.875	6.514	25,2

2. Về cổ đông (Theo danh sách chốt ngày đăng ký cuối cùng 28/4/2022)

Stt	Tên đơn vị/cá nhân	Số CD	Số cổ phần	Tỷ lệ %/ VDL
1	Tổng Công ty Samco	1	2.550.000	51,00
2	Cổ đông là tổ chức trong nước	1	96	0,00
3	Cổ đông là tổ chức nước ngoài	3	94.887	1,90
4	Cổ đông là CBCNV	24	50.113	1,00
5	Cổ đông lớn	5		
	- Ông Ngô Quang Hiến		719.712	14,39
	- Bà Mai Hồng Quỳnh		500.000	10,00
	- Ông Ngô Quang Trung		276.635	5,53
	- Bà Nguyễn Hương Giang		250.000	5,00
	- Bà Phan Kim Mỹ		250.000	5,00
6	Các cổ đông khác	114	308.557	6,17
	Tổng cộng	143	5.000.000	100,00

3. Về thực hiện nhiệm vụ

Hội đồng quản trị đã tuân thủ chấp hành và tổ chức thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình đã được quy định trong Điều lệ, Quy chế tổ chức và

hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty. Đồng thời triển khai thực hiện có hiệu quả nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT được phân công đã thường xuyên giám sát, đôn đốc và kiểm tra thực hiện nội dung đã được HĐQT thông qua tại cuộc họp HĐQT, các nghị quyết đã ban hành.

Đã chấp hành tổ chức họp Hội đồng quản trị đúng quy định. Trong năm 2021 đã tổ chức họp định kỳ 04 lần và 02 lần họp đột xuất.

Các nghị quyết được thông qua đều được HĐQT giao cho TGD triển khai thực hiện và báo cáo HĐQT. Trong các trường hợp khác, các quyết định của HĐQT được lập thành nghị quyết và giao cho các đơn vị phòng ban, cá nhân có trách nhiệm liên quan thực hiện.

Tất cả các thành viên tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, đóng góp ý kiến xác thực và đồng thuận cao theo thẩm quyền và yêu cầu làm việc của HĐQT về định hướng hoạt động kinh doanh để phát triển công ty.

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã ban hành 06 nghị quyết, 04 quyết định.

Công tác điều hành luôn tuân thủ quy định của pháp luật, bám sát và tuân thủ Điều lệ, quy chế hoạt động của Công ty. Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết của Hội đồng quản trị cũng như bám sát kế hoạch hoạt động đề ra.

4. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác

Trong năm 2021, HĐQT đã thực hiện giám sát công tác quản lý, điều hành của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty thông qua các cuộc họp định kỳ hàng quý và tổ chức họp đột xuất trong các trường hợp giải quyết công việc cần thiết. Ban tổng giám đốc định kỳ báo cáo Hội đồng quản trị tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả thực hiện các Nghị Quyết của Hội đồng quản trị, thuận lợi khó khăn trong công tác điều hành mà Nghị quyết đã đề ra. Từ đó, Hội đồng quản trị phối hợp Ban Tổng giám đốc tháo gỡ, khắc phục những khó khăn, vướng mắc, phấn đấu hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

Nhìn chung, công tác giám sát đối với Tổng giám đốc được thực hiện thường xuyên chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của Công ty diễn ra ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của Pháp luật, bám sát mục tiêu, kế hoạch do HĐQT, Đại hội đồng cổ đông đề ra.

5. Nhận xét đánh giá

Hoạt động của Hội đồng quản trị khá đều tay, nhịp nhàng, thể hiện rõ nét tinh thần trách nhiệm của từng thành viên nên có sự đồng thuận cao.

Hội đồng quản trị luôn bám sát các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông mà thực hiện. Luôn theo dõi, quản lý, giám sát chặt chẽ, hỗ trợ chỉ đạo kịp thời cho Ban Tổng Giám đốc trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong bối cảnh tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, HĐQT đã chủ động đề ra những chủ trương kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Việc bổ sung, điều chỉnh, xây dựng Quy chế và Quy định là việc làm thường xuyên trong năm cho phù hợp với quy định hiện hành.

Đảm bảo quyền lợi cổ đông, chăm lo đời sống người lao động tạo được sự ổn định và yên tâm công tác.

Quan tâm đến công tác đào tạo, quy hoạch đội ngũ kế thừa, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

III/ Định hướng năm 2022

Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2022

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2022	Ghi chú
I	Các chỉ tiêu về tài chính			
1	Tổng Doanh thu	đồng	30.258.000.000	
2	Lợi nhuận trước thuế	đồng	10.010.880.000	
3	Lợi nhuận sau thuế	đồng	8.008.704.000	
4	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	%	16.02	
5	Nộp ngân sách	đồng	5.131.000.000	
II	Các chỉ tiêu về đầu tư			
1	Kế hoạch đầu tư tài sản, máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thường xuyên	đồng	17.200.000.000	

Để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 2022, HĐQT đề ra các giải pháp để quản lý, chỉ đạo, điều hành kinh doanh như sau:

1. Tập trung chỉ đạo giám sát thường xuyên công tác triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2022 theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông, phối hợp cùng Ban Tổng Giám đốc Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để xử lý và quyết định những vấn đề phục vụ cho kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

2. Sử dụng vốn hiệu quả, tập trung thực hành tiết kiệm chống lãng phí, nâng cao hiệu quả quản lý của doanh nghiệp, quản lý chi phí theo từng chỉ tiêu được phê duyệt trong kế hoạch.

3. Tiếp tục triển khai dự án mở rộng Bến xe An Sương (4,8 ha), theo Nghị quyết HĐQT Công ty.

4. Chính trang cơ sở hạ tầng bến bãi thu hút các Doanh nghiệp vận tải vào bến. Hoàn thành công trình cải tạo dây dịch vụ sửa chữa thành văn phòng điều hành, bán

vé tại Bến xe Ngã Tư Ga đảm bảo tiêu chuẩn bến xe loại 1 nhằm đáp ứng nhu cầu phục vụ các doanh nghiệp khai thác vận tải hành khách tuyến cố định.

5. Tiếp tục quản lý điều hành theo tiêu chuẩn Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015; Quy trình tác nghiệp chuẩn SOP". Xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp, kết nối thương hiệu với Tổng Công ty, quán triệt, tuyên truyền sứ mệnh tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Công ty đến toàn thể NLD và các đối tác.

6. Lãnh đạo đẩy mạnh công tác mở tuyến mới, thu hút các đơn vị tham gia. Mở rộng sản xuất kinh doanh bằng hình thức liên kết, liên doanh để tạo hoạt động đa dạng, hiệu quả cao.

7. Phối hợp các Doanh nghiệp vận tải triển khai thực hiện tốt kế hoạch phục vụ hành khách trong đợt cao điểm Lễ, Tết.

8. Thực hiện đầy đủ các quy định đối với Công ty đại chúng đã lên sàn UPCOM theo luật chứng khoán, phát huy việc giao dịch cổ phiếu, quảng bá rộng rãi đến nhà đầu tư và tăng khả năng huy động vốn.

9. Thường xuyên phối hợp cùng các đơn vị vận tải trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải, các dịch vụ phục vụ hành khách tại hai bến. Chú trọng công tác đảm bảo ANTT, VSTP, PCCN..., Duy trì, tăng cường mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng, đáp ứng kịp thời các yêu cầu khách hàng đặc biệt là các khách hàng lớn, lâu năm.

10. Áp dụng Công nghệ thông tin vào công tác quản lý điều hành một cách triệt để, có hiệu quả, nâng cấp phần mềm quản lý xe ra vào bến phù hợp theo đúng quy định của Bộ GTVT.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 đóng góp ý kiến thiết thực.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Lưu: VT.Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Quang Trung



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 06 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn;
- Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn báo cáo Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 về kết quả hoạt động kiểm soát tại Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn trong năm 2021 với những nội dung chủ yếu sau:

I. GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ NĂM 2021:

1. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2021:

Qua kiểm tra giám sát tình hình hoạt động của Công ty, Ban kiểm soát thống nhất với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh đã được đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021 như sau:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2020	Kế Hoạch năm 2021	Thực hiện Năm 2021	Tỷ lệ thực hiện	
				So với kế hoạch	So với cùng kỳ
Doanh thu thực hiện	42,100	28,899	28,911	100.0%	68.7%
Lợi nhuận trước thuế	17,944	10,902	10,009	91.8%	55.8%
Lợi nhuận sau thuế	15,380	9,362	8,558	91.4%	55.6%
Nộp ngân sách	4,628	4,003	4,021	100.4%	86.9%
Thu nhập bình quân	12.35	11.82	12.10	102.4%	98.0%

Nhận xét, qua số liệu trên:

- Nhìn chung, hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2021 gặp nhiều khó khăn, Doanh thu đạt 100% so với kế hoạch và đạt 68.7% so với cùng kỳ, lợi nhuận trước thuế đạt 91.8% so với kế hoạch và đạt 55.8% so với cùng kỳ. Nguyên nhân do tình trạng dịch virus Corona (Covid 19) bùng phát và diễn biến phức tạp, tác động lớn đến nhiều ngành nghề dịch vụ, trong đó có dịch vụ vận tải hành khách. Các lệnh phong tỏa hạn chế đi lại kéo dài làm giảm nhu cầu đi lại của hành khách, các đơn vị vận tải giảm số chuyến hoạt động ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh chung của các đơn vị vận tải và bến xe khách.

- Mặc dù tình hình rất khó khăn nhưng trong năm Công ty cố gắng đảm bảo đời sống người lao động được ổn định với mức thu nhập của người lao động bình quân năm 2021 là 12.1 triệu đồng, đạt 102% so với kế hoạch và đạt 98% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, số lao động bình quân sử dụng trong năm giảm 25% do tạm hoãn hợp đồng lao động

trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội và để phù hợp với tình hình quy mô hoạt động của công ty

2. Về công tác chấp hành chế độ kế toán, chính sách pháp luật:

- Công ty đã triển khai và áp dụng phần mềm kế toán Bravo trong việc quản lý tài chính kế toán. Việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện đúng theo quy định về chế độ kế toán. Công ty đã tuân thủ đúng các quy định của nhà nước về kê khai và nộp các khoản thuế vào ngân sách nhà nước. Thực hiện tốt các chế độ báo cáo và đúng quy định của nhà nước và pháp Luật Lao động, Luật Môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Công ty đã thực hiện tốt việc báo cáo chỉ tiêu tháng, báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, năm theo đúng qui định; Cập nhật các Nghị định, thông tư mới ban hành để triển khai thực hiện.

- Hàng tháng, quý, năm có kiểm kê, đối chiếu quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

- Công ty quản lý các khoản công nợ phải thu theo Quy chế quản lý công nợ của đơn vị. Cuối năm có đối chiếu xác nhận công nợ, tuy nhiên tỷ lệ đối chiếu còn thấp, chỉ đạt 15.2%.

- Các số liệu trên báo cáo tài chính năm 2021 phản ánh trung thực tình hình tài chính tại thời điểm 31/12/2021 của Công ty.

3. Về công tác quản lý tài chính Công ty năm 2021:

Được đánh giá qua phân tích một số chỉ tiêu về cơ cấu tài sản và nguồn vốn như sau:

▪ **Về tài sản:** Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2020 là 89,754 triệu đồng. Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn: 43,473 triệu đồng, chiếm 48.4% trên tổng tài sản, giảm 24.7% so với cùng kỳ. Trong đó, công nợ tính đến ngày 31/12/2021 là **4.027.320.743 đồng**, các khoản nợ trên 06 tháng chiếm tỷ lệ 77%. Do tình hình dịch bệnh Covid – 19 trong năm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các đối tác khách hàng nên việc thu hồi công nợ của công ty gặp nhiều khó khăn.

- Tài sản dài hạn: 46,280 triệu đồng, chiếm 51.6% trên tổng tài sản, tăng 19.1% so với cùng kỳ.

Công ty đã hoàn thành dự án đầu tư nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1) và đưa vào sử dụng giai đoạn đầu. Do đó, cơ cấu tài sản của công ty có xu hướng dịch chuyển tăng tài sản dài hạn và giảm tài sản ngắn hạn.

▪ **Về nguồn vốn:** Theo cơ cấu vốn của Công ty tại thời điểm 31/12/2021, Tổng nguồn vốn là 89,754 triệu đồng. Trong đó:

+ **Nợ phải trả:** Tỷ lệ Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn là 19%, giảm 35.7% so với năm 2020, chủ yếu là các khoản phải trả người bán ngắn hạn và khoản phải trả ngắn hạn khác (phần lớn đến từ khoản phải trả cổ tức với bên liên quan là Tổng công ty Cơ khí Giao thông vận tải Sài Gòn – TNHH MTV và các đối tượng khác). So sánh với tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính thì khoản nợ phải trả vẫn đảm bảo cơ cấu vốn hợp lý, đảm bảo độ an toàn, Công ty không gặp khó khăn về vốn.

+ **Vốn chủ sở hữu:**

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2020 là 72,692 triệu đồng, chiếm 81% trên tổng nguồn vốn. Công ty không có khoản vay nào, hoạt động đầu tư và kinh doanh của Công ty hoàn toàn bằng vốn góp của cổ đông nên chủ động về vốn kinh doanh.

Một số chỉ tiêu tài chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
Đánh giá khả năng thanh toán năm 2021			
1	Khả năng thanh toán tổng quát: Tổng tài sản/ Tổng nợ phải trả	3.6	5.2
2	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	2.2	2.5
3	Hệ số nợ phải trả / Vốn chủ sở hữu	0.4	0.2
Các tỷ lệ về cơ cấu tài sản và lợi nhuận năm 2021			
3	Tổng tài sản cố định+ XDCB dở dang và đầu tư dài hạn / Tổng tài sản	39.4%	49.8%
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	15.9%	9.5%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (ROE)	21.9%	11.8%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Vốn điều lệ	30.8%	17.1%

* **Lãi cơ bản trên cổ phiếu:**

+ EPS = Lợi nhuận sau thuế / Tổng số cổ phần phổ thông = 1,711 đồng

Qua các chỉ tiêu tính toán như trên: Các chỉ tiêu thanh toán của Công ty đảm bảo chỉ số khả năng thanh toán ổn định (≥ 2). Nhìn chung, Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán tốt vì không sử dụng nợ vay. Chỉ tiêu cơ cấu tài sản tăng là do trong năm Công ty thực hiện đầu tư các hạng mục sửa chữa, nâng cấp tại hai bến xe và thực hiện dự án đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương hiện hữu 1,7 ha. Tuy nhiên các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều giảm so với năm 2020 do trong năm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng nhiều bởi tình hình dịch Covid-19, xét về mặt sản xuất kinh doanh hiện tại thì Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, doanh thu và lợi nhuận tương đối ổn định dù gặp nhiều khó khăn.

4. Việc thực hiện sử dụng lao động và chi lương, thưởng năm 2021:

Sử dụng lao động thực tế bình quân năm 2021 là 77.5 người/83 người, đạt tỷ lệ 93.4% so với kế hoạch. Trong đó:

- Người quản lý chuyên trách bình quân: 03 người.
- Người quản lý không chuyên trách bình quân: 07 người.
- Quỹ lương người lao động: 9,032 triệu đồng.
- Quỹ lương Người Quản lý (NQL): 1,080 triệu đồng.
- Quỹ thù lao NQL không chuyên trách: 415,2 triệu đồng.

Trong năm 2021, Công ty có 01 lao động nghỉ hưu và 17 lao động nghỉ việc, đã tuyển dụng mới 05 lao động thay thế cho các hợp nghỉ việc, nghỉ hưu. Công ty xây dựng

quỹ lương và thực hiện chi lương, thưởng cho người lao động và ban điều hành đúng quy định Pháp luật; Quy chế trả lương, trả thưởng và Thỏa ước lao động tập thể của Công ty. Đảm bảo các chế độ và quyền lợi cho người lao động.

Tình hình thực hiện dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương hiện hữu 1,7 ha: Ngày 15/03/2019, HĐQT ban hành Nghị quyết số 16/NQ-HĐQT thống nhất phân kỳ dự án "Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1)" thành 02 giai đoạn đầu tư. Giai đoạn đầu xây dựng 03 tầng dưới nhà điều hành và các hạng mục phụ trợ. Giai đoạn sau xây dựng 03 tầng trên còn lại của nhà điều hành và khu vệ sinh công cộng số 3. Thời gian thực hiện giai đoạn sau sẽ tùy thuộc vào nhu cầu khai thác thực tế. Ngày 03/05/2019, HĐQT Công ty đã ban hành Quyết định số 34/QĐ-HĐQT phê duyệt dự toán điều chỉnh và kế hoạch lựa chọn nhà thầu điều chỉnh theo phân kỳ đầu tư dự án "Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1)". Thực hiện quyết định trên, Ban điều hành Công ty đã tổ chức đấu thầu rộng rãi gói thầu Thi công xây dựng và gói thầu Tư vấn giám sát. Công ty đã hoàn thành công tác đấu thầu và tổ chức khởi công công trình ngày 05/08/2019, đến nay đã hoàn thành và đưa vào sử dụng giai đoạn đầu. Sở Xây dựng đã tiến hành kiểm tra công tác nghiệm thu công trình và Công ty đang tiếp tục tiến hành thủ tục quyết toán và tặng tài sản theo quy định.

- Dự án Mở rộng Bến xe An Sương 4,8ha: Hội đồng nhân dân Thành phố đã thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018 trong đó có dự án mở rộng BXAS. Khó khăn của dự án là vấn đề nguồn vốn đầu tư, chi phí giải phóng mặt bằng. Công ty đã báo cáo khái toán chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng. Đề án chi tiết dự án Mở rộng Bến xe An Sương (4,8ha) trình Hội đồng quản trị xem xét, đồng thời tiếp tục tìm kiếm kêu gọi các nhà đầu tư để tham gia hợp tác đầu tư đền bù giải phóng mặt bằng, triển khai dự án. Thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, Công ty đã liên hệ làm việc với Phòng TNMT và Ban Bồi thường Giải phóng mặt bằng Huyện Hóc Môn phối hợp thực hiện các thủ tục pháp lý về bồi thường giải phóng mặt bằng cho dự án. Đến nay, Công ty đã hoàn thành công tác điều tra xã hội học các hộ dân trong phạm vi dự án và đang phối hợp với Phòng TNMT huyện Hóc Môn xây dựng kế hoạch thu hồi đất trình UBND huyện Hóc Môn phê duyệt làm căn cứ triển khai thực hiện. Về hồ sơ dự án "Mở rộng Bến xe An Sương" được lập từ năm 2013 đến nay đã không còn phù hợp, HĐQT đã thống nhất đề công ty thuê đơn vị tư vấn lập Đề xuất dự án nhằm đánh giá lại một số nội dung dự án để phù hợp với tình hình thực tế hiện nay. Công ty đã hoàn thành hồ sơ đề xuất dự án trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua và tiếp tục theo dõi triển khai các bước tiếp theo.

- Dự án Bến xe Sông Tắc đã có quy hoạch phân khu 1/2000 khu dân cư Tam Đa, trong đó xác định quy mô Diện tích Bến xe Sông Tắc là 18,34 ha. Khó khăn của dự án là vấn đề nguồn vốn đầu tư (kinh phí giải phóng mặt bằng ước tính khoảng 200 tỷ đồng) và chưa có đầu nối giao thông đối ngoại với đường cao tốc Sài Gòn-Long Thành-Dầu Giây. Thực hiện Nghị quyết số 36/NQ-HĐQT ngày 21/5/2018 và Nghị quyết số 38/NQ-HĐQT ngày 17/7/2018 của Hội đồng quản trị, theo đó việc lập quy hoạch chi tiết 1/500 dự án Bến xe Sông Tắc dời qua kế hoạch năm 2019. Tuy nhiên căn cứ tình hình hoạt động SXKD thực tế và để tập trung vào thực hiện dự án đầu tư nâng cấp Bến xe An Sương, Công ty tạm ngưng chưa đưa vào kế hoạch đầu tư dự án giai đoạn năm 2019 - 2021.

- Công ty cũng đã triển khai các công trình cải tạo sửa chữa nhằm nâng cấp chất lượng cơ sở vật chất tại 02 bến xe.

II. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT:

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2021, Hội đồng quản trị công ty đã tổ chức 06 cuộc họp, trong đó có 04 cuộc họp định kỳ và 02 cuộc họp đột xuất để đánh giá về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty hàng quý và các cuộc họp khác liên quan đến công tác chuẩn bị đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, công tác đầu tư xây dựng cơ bản, công tác nhân sự, sửa đổi và bổ sung các quy chế, quy định... Qua đó, đã ban hành 06 Nghị quyết và 04 Quyết định liên quan đến các lĩnh vực trên.

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ và tổ chức hoạt động của Công ty và theo luật định. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đều bám sát các chỉ tiêu, định hướng mà nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đề ra. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã theo dõi, quản lý, giám sát chặt chẽ, góp ý, hỗ trợ chỉ đạo kịp thời cho Ban Tổng giám đốc trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- HĐQT có các nghị quyết, quyết định nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện BDH triển khai hoạt động kinh doanh. HĐQT luôn bám sát các hoạt động của BDH kịp thời định hướng và đưa ra các chỉ đạo nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty. Việc giám sát công tác điều hành quản lý của HĐQT đã đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh được an toàn, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, theo đúng định hướng nghị quyết của ĐHĐCĐ

2. Hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

- Công tác điều hành luôn tuân thủ quy định của pháp luật, bám sát và tuân thủ điều lệ, quy chế hoạt động của Công ty.

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo đúng chức năng và thẩm quyền.

- Ban Tổng giám đốc cũng phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban kiểm soát trong công tác kiểm soát hoạt động, cung cấp đầy đủ các thông tin báo cáo và dữ liệu liên quan để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.

3. Hoạt động của Ban Kiểm Soát:

3.1. Về nhân sự:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỉ lệ sở hữu
1	Lê Thị Thanh Thuận	Trưởng Ban kiểm soát	9.661	0,19%
2	Nguyễn Vũ Anh Thư	Thành viên Ban kiểm soát	0	0
3	Võ Văn Đức	Thành viên Ban kiểm soát	0	0

14
CÔNG TY
HÀNG
VĂN
GÒN
HỒ CHÍ

3.2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỉ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Lê Thị Thanh Thuận	Trưởng BKS	5/5	100%	
2	Võ Văn Đức	Thành viên Ban kiểm soát	5/5	100%	
3	Nguyễn Vũ Anh Thư	Thành viên Ban kiểm soát	3/5	66,66%	Bỏ nhiệm ngày 19/05/2021
4	Nguyễn Thị Bạch Huệ	Thành viên Ban kiểm soát	2/5	33,34%	Miễn nhiệm ngày 19/05/2021

3.3. Về thu nhập của Ban kiểm soát như sau:

ST T	Họ và tên	Chức vụ	Mức thu nhập bình quân	Thời gian (tháng)	Tổng tiền
1	Lê Thị Thanh Thuận	Trưởng BKS chuyên trách	24.288.936	12	291.467.234
2	Võ Văn Đức	Thành viên Ban kiểm soát	4.254.305	12	51.051.667
3	Nguyễn Vũ Anh Thư	Thành viên Ban kiểm soát	3.128.552	7,39	23.120.000
4	Nguyễn Thị Bạch Huệ	Thành viên Ban kiểm soát	6.289.563	4,61	28.994.889
	Tổng Cộng				394.633.790

- Ban kiểm soát đã thực hiện việc xây dựng chương trình, kế hoạch công tác và phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong Ban thực hiện kiểm tra giám sát từng lĩnh vực hoạt động của công ty, kết hợp với chế độ làm việc tập thể của Ban kiểm soát để thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của mình.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng với Ban điều hành, tham gia ý kiến theo chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Những kiến nghị đều được ghi nhận và triển khai thực hiện.

- Ban kiểm soát đã tổ chức kiểm tra, giám sát với những nội dung chủ yếu liên quan đến công tác quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, việc chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông. Xem xét sổ sách kế toán, các tài liệu, thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và thẩm tra báo cáo tài chính 6 tháng, năm 2021. Số thành viên Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp là 3/3 người. Sau mỗi cuộc kiểm soát đều có biên bản làm việc ghi nhận tình hình hoạt động của Công ty và đề xuất các ý kiến, kiến nghị của Ban kiểm soát nhằm đảm bảo quyền lợi của các cổ đông và tăng cường quản trị nội bộ Công ty.

- Trên cơ sở Quy chế làm việc của Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát đã nghiêm chỉnh thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công và thường xuyên trao đổi đánh giá

tình hình hoạt động của Công ty để kịp thời tham gia đóng góp ý kiến cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong việc điều hành Công ty.

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ:

1. Nhận xét:

- Năm 2021 Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đã có những giải pháp, chiến lược phù hợp chủ động hơn trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Đồng thời nâng cao hơn nữa hiệu quả quản lý, xây dựng đội ngũ quản lý, điều hành nhằm đáp ứng theo yêu cầu và tốc độ phát triển của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty luôn quan tâm cải thiện đời sống, thu nhập cho người lao động, đã tạo thêm động lực phấn đấu cho CBCNV Công ty.

- Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát đã có mối quan hệ phối hợp trong việc thực hiện quyền hạn và trách nhiệm được quy định trong Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và tham gia các cuộc họp của HĐQT. Ban kiểm soát đã được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty. Các báo cáo của Ban kiểm soát đều được gửi đến HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng do Pháp luật và Điều lệ Công ty quy định, không ảnh hưởng đến hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

2. Kiến nghị:

- Tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi phí; quản lý tốt nguồn thu, chi của đơn vị.

- Thực hiện việc đối chiếu công nợ cuối năm đúng quy định; giám sát, quản lý việc thực hiện theo dõi công nợ phải thu, tiền ký quỹ theo đúng Quy chế quản lý công nợ và các điều khoản quy định tại Hợp đồng thương mại để hạn chế việc khách hàng chiếm dụng vốn. Trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu khó đòi theo đúng quy định của Bộ Tài chính.

- Tiếp tục giữ vững an toàn phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường.

- Đề nghị Công ty tiếp tục thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước trong báo cáo tài chính năm 2013 liên quan đến chi phí đền bù giải tỏa trong công tác chuyển thể công ty Nhà nước sang Công ty Cổ phần, thực hiện rà soát toàn bộ hồ sơ liên quan đến chi phí đền bù giải tỏa trong công tác chuyển thể công ty Nhà nước sang Công ty Cổ phần và phối hợp với Tổng Công ty thực hiện các nội dung theo thông báo số 58/TB-VP ngày 04/02/2020 của UBND Thành phố.

- Nhìn chung các quy chế, quy định được ban hành căn cứ vào các quy định của pháp luật, Điều lệ và tình hình thực tế tại doanh nghiệp. Tuy nhiên, một số quy chế, quy định được ban hành trước đây đến nay không còn phù hợp với các quy định Pháp luật có liên quan đã được sửa đổi, bổ sung. Đề nghị Công ty cần rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và tình hình thực tế tại doanh nghiệp. Cụ thể như:

+ Rà soát, điều chỉnh Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;



+ Ra soát, điều chỉnh Quy chế tổ chức bộ máy hoạt động; Nội quy lao động; Quy chế trả lương, trả thưởng; Quy chế tuyển dụng, luân chuyển, bổ nhiệm...theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

+ Xây dựng Quy định về quản lý và sử dụng hóa đơn GTGT, phiếu thu, phiếu chi; Quy định về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin điện tử; Quy định về quản lý và sử dụng con dấu của Công ty và hai bên xe...

Trên đây là một số ý kiến của Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về tổ chức hoạt động và sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022.

Kính chúc quý cổ đông, quý vị đại biểu, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành mạnh khỏe, hạnh phúc và có một năm thành công tốt đẹp.

Trân trọng kính chào./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Thị Thanh Thuận

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN
(STP.JSC)

Số: AA../TTr – HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2021 (“Luật Doanh nghiệp 2020”);

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Bến bãi Vạn tài Sài Gòn (Công ty);

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 được lập ngày 31/12/2021 và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam ký ngày 08/3/2022.

Kính trình Hội đồng quản trị Công ty xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Quang Trung

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 27

0300
C
T
KIỂM
TOÁN
ĐỘC LẬP
4FC
17-18

089 C.T.C.P
Y
N
V
T
A
I
S
A
I
G
O
N
H
O
C
M
I
N
H

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN
720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bến bãi Vạn tài Sài Gòn trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Thông tin chung

Công ty cổ phần Bến bãi Vạn tài Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") (chuyển thể từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty bến bãi vận tải Thành phố) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301114089 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 3 năm 2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VND
(Năm mươi tỷ đồng)
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/ cổ phần
Tổng số cổ phần: 5.000.000 cổ phần
Mã chứng khoán: TPS
Sàn giao dịch: UpCOM

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : 720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-28) 37 161 333
- Fax : (84-28) 37 160 891

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty có các chi nhánh:

Chi nhánh	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động	Địa chỉ
Bến xe Ngã tư Ga	Số 0301114089-003 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/9/2016	720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Bến xe An Sương	Số 0301114089-002 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/9/2016	Quốc lộ 22, Ấp Đông Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

Ngành nghề kinh doanh của công ty là:

- Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe; tổ chức cung ứng dịch vụ về bến bãi trên địa bàn thành phố để phục vụ lưu đậu đối với tất cả các phương tiện vận tải;
- Tổ chức vận chuyển hành khách liên tỉnh qua bến xe và các phương tiện vận tải hành khách lưu đậu tại bến; tham gia vận tải hành khách liên tỉnh theo hợp đồng kinh tế;
- Trung chuyển hàng hóa trong thành phố và vận chuyển hàng hóa đường bộ liên tỉnh bằng Hợp đồng kinh tế;
- Kinh doanh kho chứa hàng hóa; và
- Môi giới vận chuyển hàng hóa, giáo dục dạy nghề.

2. Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ Ngày tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Quang Trung	Chủ tịch	19/05/2021	
Ông Nguyễn Tấn Lực	Thành viên	22/04/2019	19/05/2021
Ông Nguyễn Xuân Điền	Thành viên	19/05/2021	
Ông Trần Hiếu	Thành viên/ Tổng Giám đốc	19/05/2021	
Bà Lê Thủy Hằng	Thành viên	19/05/2021	
Bà Phan Thị Trang	Thành viên	19/05/2021	

Ban kiểm soát

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ Ngày tái bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Bà Lê Thị Thanh Thuận	Trưởng ban	19/05/2021	
Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ	Thành viên	27/04/2011	19/05/2021
Ông Võ Văn Đức	Thành viên	19/05/2021	
Bà Nguyễn Vũ Anh Thư	Thành viên	19/05/2021	

Ban Giám đốc

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Trần Hiếu	Tổng Giám đốc	01/03/2019

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Trần Hiếu	Tổng Giám đốc	01/03/2019

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN
720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGÔ QUANG TRUNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2022





Số: 231/2022/BCKT-HCM.00348

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 3 năm 2022, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



BÙI TUYẾT VÂN
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0071-2018-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2022

NGUYỄN NGỌC THỦY DUNG
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 2782-2019-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		43.473.622.147	57.727.249.208
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	22.157.569.742	34.897.692.954
Tiền	111		457.569.742	607.692.954
Các khoản tương đương tiền	112		21.700.000.000	34.290.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		16.500.000.000	20.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	16.500.000.000	20.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.758.372.113	2.456.598.059
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	4.027.320.743	1.453.585.580
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	338.503.200	489.314.260
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	392.548.170	513.698.219
Hàng tồn kho	140		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		57.680.292	372.958.195
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6.1	57.680.292	332.324.239
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.11	-	40.633.956
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		46.280.407.299	38.861.241.241
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		14.875.065.322	9.875.042.485
Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	8.359.466.717	3.250.934.679
Nguyên giá	222		33.807.317.527	27.681.838.090
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.447.850.810)	(24.430.903.411)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.8	6.515.598.605	6.624.107.806
Nguyên giá	228		9.968.691.758	9.805.055.394
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.453.093.153)	(3.180.947.588)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		29.844.317.606	28.177.917.060
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	29.844.317.606	28.177.917.060
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1.561.024.371	808.281.696
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6.2	1.561.024.371	808.281.696
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		89.754.029.446	96.588.490.449

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÀI VẠN TÀI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		17.061.840.572	26.540.478.746
Nợ ngắn hạn	310		17.061.840.572	26.540.478.746
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	5.287.904.227	2.795.429.692
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.963.300	10.983.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	1.529.669.144	1.324.382.823
Phải trả người lao động	314		2.609.058.677	2.831.901.908
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		43.774.000	58.900.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	7.061.456
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	2.089.369.619	12.820.019.993
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.13	5.498.101.605	6.691.799.876
Nợ dài hạn	330		-	-
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		72.692.188.874	70.048.011.703
Vốn chủ sở hữu	410	5.14	72.692.188.874	70.048.011.703
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		(127.180.000)	(127.180.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		8.870.593.143	8.101.580.801
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.948.775.731	12.073.610.902
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.389.834.060	4.193.364.051
LNST chưa phân phối năm nay	421b		8.558.941.671	7.880.246.851
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		89.754.029.446	96.588.490.449


NGUYỄN HỮU HƯNG
Người lập biểu


BÙI THANH TÂM
Kế toán trưởng



TRẦN HIẾU
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh ngày 08 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÀI VẠN TÀI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		27.333.261.008	39.741.836.938
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	6.1	27.333.261.008	39.741.836.938
Giá vốn hàng bán	11	6.2	13.770.149.620	18.260.074.491
Lợi nhuận gộp	20		13.563.111.388	21.481.762.447
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.552.848.889	2.318.335.053
Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.4	4.622.520.042	5.719.007.625
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		10.493.440.235	18.081.089.875
Thu nhập khác	31	6.5	25.729.268	40.187.715
Chi phí khác	32	6.6	509.674.537	177.057.297
Lợi nhuận khác	40		(483.945.269)	(136.869.582)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.009.494.966	17.944.220.293
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.11	1.450.553.295	2.563.973.442
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.558.941.671	15.380.246.851
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	1.233	2.393

NGUYỄN HỮU HƯNG
Người lập biểu

BÙI THANH TÂM
Kế toán trưởng



TRẦN HIẾU
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh ngày 08 tháng 3 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÀI VẠN TÀI SÀI GÒN

720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Mã số	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	10.009.494.966	17.944.220.293
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.289.092.964	1.455.882.701
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.552.848.889)	(2.318.335.053)
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	9.745.739.041	17.081.767.941
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(2.417.924.103)	4.295.914.450
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(394.185.881)	(6.242.744.982)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(478.098.728)	(278.571.340)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.101.948.047)	(3.303.941.773)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	12.530.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(4.608.462.771)	(2.844.671.650)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	745.119.511	8.720.282.646
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(5.655.726.036)	(12.395.755.544)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.000.000.000)	(17.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	9.500.000.000	20.500.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.668.998.938	2.830.624.668
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(486.727.098)	(6.065.130.876)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(12.998.515.625)	(7.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12.998.515.625)	(7.000.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	34.897.692.954	39.242.541.184
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	22.157.569.742	34.897.692.954

NGUYỄN HỮU HƯNG
Người lập biểu

BÙI THANH TÂM
Kế toán trưởng

TRẦN HIỆU
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh ngày 08 tháng 3 năm 2022

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (gọi tắt là "Công ty") (chuyển thể từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty bến bãi vận tải Thành phố) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301114089 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 3 năm 2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của công ty là:

- Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe; tổ chức cung ứng dịch vụ về bến bãi trên địa bàn thành phố để phục vụ lưu đậu đối với tất cả các phương tiện vận tải;
- Tổ chức vận chuyển hành khách liên tỉnh qua bến xe và các phương tiện vận tải hành khách lưu đậu tại bến; tham gia vận tải hành khách liên tỉnh theo hợp đồng kinh tế;
- Trung chuyển hàng hóa trong thành phố và vận chuyển hàng hóa đường bộ liên tỉnh bằng Hợp đồng kinh tế;
- Kinh doanh kho chứa hàng hóa; và
- Môi giới vận chuyển hàng hóa, giáo dục dạy nghề.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

<u>Chi nhánh</u>	<u>Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động</u>	<u>Địa chỉ</u>
Bến xe Ngã tư Ga	Số 0301114089-003 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/09/2016	720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thanh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Bến xe An Sương	Số 0301114089-002 đăng ký lần đầu ngày 21/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 29/09/2016	Quốc lộ 22, Ấp Đông Lân, Xã Bà Điểm, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng số nhân viên của Công ty là 72 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 106 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa bên xe đã phát sinh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí duy tu sửa chữa mặt bãi bên xe và các chi phí khác đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 15 tháng đến 36 tháng.

4.6 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
Tài sản cố định khác	05 năm

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chi phí giải tỏa mặt bằng

Chi phí giải tỏa mặt bằng bến xe Ngã tư Ga được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 45 năm.

Phần mềm kế toán

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Theo Điều 1 Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19, doanh nghiệp có doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 không quá 200 tỷ đồng và doanh thu trong kỳ tính thuế năm 2021 giảm so với doanh thu kỳ tính thuế 2019 thì được giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021.

4.15 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.16 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư dài hạn.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.17 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	Công ty mẹ
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Công ty cùng tập đoàn
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	Công ty cùng tập đoàn
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt – VND	123.249.447	226.882.218
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn – VND	334.320.295	380.810.736
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng – VND	21.700.000.000	34.290.000.000
	22.157.569.742	34.897.692.954

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn trên 3 tháng – VND		
• Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Hóc Môn	6.500.000.000	10.000.000.000
• Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh 3	9.000.000.000	10.000.000.000
• Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Hiệp Phước	1.000.000.000	-
	16.500.000.000	20.000.000.000

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	112.998.507	25.544.520
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	20.824.087	50.610.000
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Công nghiệp Hoàng Gia	1.774.188.415	974.602.700
Các khách hàng khác	2.119.309.734	402.828.360
	4.027.320.743	1.453.585.580

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN
 720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thanh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<i>Trả trước của các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty TNHH Tư vấn Giáo dục và Môi trường lựa chọn Thông Minh	191.882.400	-
Công ty cổ phần Thiết kế Kiến trúc An Thái	36.540.000	36.540.000
Các nhà cung cấp khác	110.080.800	452.774.260
	338.503.200	489.314.260

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	Giá trị VND	31/12/2021 Dự phòng VND	Giá trị VND	01/01/2021 Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Lãi dự thu – tiền gửi có kỳ hạn	276.201.374	-	392.351.423	-
Phải thu về cổ phần hóa	116.346.796	-	116.346.796	-
Kỳ quỹ, kỳ cược ngắn hạn	-	-	5.000.000	-
	392.548.170	-	513.698.219	-

5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	53.177.345	144.021.213
Chi phí sửa chữa	4.502.947	188.303.026
	57.680.292	332.324.239

5.6.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí sửa chữa, cải tạo	1.396.574.378	808.281.696
Chi phí công cụ, dụng cụ	164.449.993	-
	1.561.024.371	808.281.696

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2021	23.878.036.931	518.458.150	1.052.181.821	1.320.824.858	912.336.330	27.681.838.090
Tăng từ mua sắm	-	-	-	-	164.174.000	164.174.000
Tăng từ xây dựng cơ bản	4.812.727.273	-	-	1.148.578.164	-	5.961.305.437
Tại ngày 31/12/2021	28.690.764.204	518.458.150	1.052.181.821	2.469.403.022	1.076.510.330	33.807.317.527
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2021	22.178.007.073	518.458.150	1.052.181.821	333.452.449	348.803.918	24.430.903.411
Khấu hao trong năm	667.837.364	-	-	139.581.055	209.528.980	1.016.947.399
Tại ngày 31/12/2021	22.845.844.437	518.458.150	1.052.181.821	473.033.504	558.332.898	25.447.850.810
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2021	1.700.029.858	-	-	987.372.409	563.532.412	3.250.934.679
Tại ngày 31/12/2021	5.844.919.767	-	-	1.996.369.518	518.177.432	8.359.466.717

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2021	19.340.955.930	518.458.150	1.052.181.821	181.471.091	-	21.093.066.992
Tại ngày 31/12/2021	19.858.978.835	518.458.150	1.052.181.821	239.743.818	136.325.894	21.805.688.518

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Chương trình phần mềm VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2021	9.440.419.030	364.636.364	9.805.055.394
Tăng từ xây dựng cơ bản	-	163.636.364	163.636.364
Tại ngày 31/12/2021	9.440.419.030	528.272.728	9.968.691.758
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2021	3.021.674.861	159.272.727	3.180.947.588
Khấu hao trong năm	209.787.084	62.358.481	272.145.565
Tại ngày 31/12/2021	3.231.461.945	221.631.208	3.453.093.153
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	6.418.744.169	205.363.637	6.624.107.806
Tại ngày 31/12/2021	6.208.957.085	306.641.520	6.515.598.605

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẠN TÀI SÀI GÒN
720 Quốc lộ 1A, Khu phố 3B, Phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2021	Phát sinh tăng	Kết chuyển sang TSCĐ	Giảm khác	31/12/2021
	VND	VND	VND	VND	VND
Dự án cải tạo nâng cấp bến xe An Sương	1.894.436.980	1.067.750.001	-		2.962.186.981
Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương (giai đoạn 1) (*)	25.879.006.580	343.090.909	-		26.222.097.489
Dự án khác	404.473.500	7.259.955.982	(6.124.941.801)	(879.454.545)	660.033.136
	28.177.917.060	8.670.796.892	(6.124.941.801)	(879.454.545)	29.844.317.606

(*) Chi tiết dự án "Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương" (giai đoạn 1): Xem Thuyết minh 9.3.

5.10 Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá trị	31/12/2021	Giá trị	01/01/2021
	VND	Số có khả năng trả nợ VND	VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả các nhà cung cấp khác				
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Lục Giác	2.628.830.000	2.628.830.000	2.591.090.000	2.591.090.000
Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Toàn Phú Nhuận	2.061.438.462	2.061.438.462	-	-
Các nhà cung cấp khác	597.635.765	597.635.765	204.339.692	204.339.692
	5.287.904.227	5.287.904.227	2.795.429.692	2.795.429.692

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2021		Số phát sinh trong năm		31/12/2021
	Số phải thu VND	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.016.060.748	1.361.134.769	(1.711.766.255)	665.429.262
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	238.839.735	1.450.553.295	(1.101.948.047)	587.444.983
Thuế thu nhập cá nhân	-	69.482.340	427.042.842	(488.941.182)	7.584.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	40.633.956	-	777.188.501	(467.343.646)	269.210.899
Các khoản phải nộp khác	-	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Cộng	40.633.956	1.324.382.823	4.020.919.407	(3.774.999.130)	1.529.669.144

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT")

Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, thuế suất cho dịch vụ tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được ước tính như sau:

	2021 VND	2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.009.494.966	17.944.220.293
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
<i>Chi phí không được trừ</i>	351.600.000	369.875.731
Thu nhập tính thuế	10.361.094.966	18.314.096.024
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN ước tính trong năm	2.072.218.993	3.662.819.203
Thuế TNDN của các năm trước	-	-
Thuế TNDN được giảm	(621.665.698)	(1.098.845.761)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.450.553.295	2.563.973.442

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV – cổ tức phải trả	-	5.355.000.000
Nhận kỳ quỹ, kỳ cược ngắn hạn		
• Xí nghiệp Cơ khí Ô tô An Lạc – Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – TNHH MTV	-	2.000.000
• Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	78.096.000	78.096.000
• Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	64.720.000	64.720.000
<i>Phải trả các đối tượng khác khác</i>		
Cổ tức phải trả	1.484.375	5.145.000.000
Nhận kỳ quỹ, kỳ cược ngắn hạn	1.930.463.247	2.166.083.993
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	14.605.997	9.120.000
	2.089.369.619	12.820.019.993

5.13 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND	Quỹ thưởng ban điều hành VND	Tổng VND
Số dư đầu năm (01/01/2021)	6.600.884.876	90.915.000	6.691.799.876
Trích quỹ	3.261.960.000	152.804.500	3.414.764.500
Chi bằng tiền	(4.364.743.271)	(243.719.500)	(4.608.462.771)
Số dư cuối năm (31/12/2021)	5.498.101.605	-	5.498.101.605

5.14 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

5.14.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2020	50.000.000.000	(127.180.000)	7.212.622.144	18.770.732.708	75.856.174.852
Lãi trong năm	-	-	-	15.380.246.851	15.380.246.851
Trích lập các quỹ	-	-	888.958.657	(4.577.368.657)	(3.688.410.000)
Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Tạm ứng cổ tức năm 2020	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	50.000.000.000	(127.180.000)	8.101.580.801	12.073.610.902	70.048.011.703
Tại ngày 01/01/2021	50.000.000.000	(127.180.000)	8.101.580.801	12.073.610.902	70.048.011.703
Lãi trong năm	-	-	-	8.558.941.671	8.558.941.671
Trích lập các quỹ	-	-	769.012.342	(4.183.776.842)	(3.414.764.500)
Cổ tức năm 2020	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Tại ngày 31/12/2021	50.000.000.000	(127.180.000)	8.870.593.143	13.948.775.731	72.692.188.874

5.14.2 Chi tiết vốn góp bởi các cổ đông

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0301114089 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 3 năm 2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 VND
 Tổng số cổ phần: 5.000.000 cổ phần phổ thông
 Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần

Chi tiết vốn góp tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vạn tài Sài Gòn - TNHH MTV	2.550.000	51,00
Ngô Quang Hiến	719.712	14,39
Mai Hồng Quý	500.000	10,00
Nguyễn Hương Giang	250.000	5,00
Phan Kim Mỹ	250.000	5,00
139 cổ đông khác	730.288	14,61
	5.000.000	100,00

5.14.3 Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/CP.

5.14.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 24/NQ-DHĐCĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021, chi tiết như sau:

	VND
• Chia cổ tức (tỷ lệ 5% vốn điều lệ)	2.500.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	769.012.342
• Trích quỹ khen thưởng	815.490.000
• Trích quỹ phúc lợi	2.446.470.000
• Trích quỹ thưởng Ban điều hành	152.804.500
• Lợi nhuận còn lại sau phân phối	5.389.834.060
	12.073.610.902

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2021 VND	2020 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.333.261.008	39.741.836.938
	27.333.261.008	39.741.836.938

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan: xem Thuyết minh 9.1.2.

6.2 Giá vốn hàng bán

	2021 VND	2020 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	13.770.149.620	18.260.074.491
	13.770.149.620	18.260.074.491

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.552.848.889	2.318.335.053
	1.552.848.889	2.318.335.053

6.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	3.881.254.511	4.314.214.268
Chi phí khác	741.265.531	1.404.793.357
	4.622.520.042	5.719.007.625

6.5 Thu nhập khác

	2021 VND	2020 VND
Thu bán công cụ dụng cụ, phế liệu	4.291.818	9.454.545
Thu tiền nước	19.755.450	26.482.170
Thu nhập khác	1.682.000	4.251.000
	25.729.268	40.187.715

6.6 Chi phí khác

	2021 VND	2020 VND
Tiền thuê đất bổ sung của các năm trước (từ 22/01/2018 đến 31/12/2020)	509.005.296	-
Chi phí khác	669.241	177.057.297
	509.674.537	177.057.297

6.7 Lãi trên cổ phiếu

6.7.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.558.405.031	15.380.246.851
Trừ: tạm trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	(2.393.242.500)	(3.414.764.500)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.165.162.531	11.965.482.351
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	5.000.000	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.233	2.393

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	2021 VND	2020 VND
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000	5.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	5.000.000	5.000.000

6.7.2 Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

6.8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân công	12.444.197.927	17.652.614.435
Chi phí công cụ, dụng cụ	480.908.664	505.552.990
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.289.092.964	1.455.882.701
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.871.277.333	2.527.787.319
Chi phí khác	1.307.192.774	1.837.244.671
	18.392.669.662	23.979.082.116

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Các giao dịch không bằng tiền

Công ty đã ghi nhận khoản lãi dự thu cho các hợp đồng tiền gửi và cho vay:

	2021	2020
	VND	VND
Lãi dự thu	276.201.374	392.351.423

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Các phân tích về độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan tới tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Các phân tích độ nhạy này được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2021			
Phải trả người bán	5.287.904.227	-	5.287.904.227
Phải trả khác và chi phí phải trả	2.133.143.619	-	2.133.143.619
	7.421.047.846	-	7.421.047.846
Ngày 31 tháng 12 năm 2020			
Phải trả người bán	2.795.429.692	-	2.795.429.692
Phải trả khác và chi phí phải trả	12.878.919.993	-	12.878.919.993
	15.674.349.685	-	15.674.349.685

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu của khách hàng</i>	4.027.320.743	1.453.585.580	4.027.320.743	1.453.585.580
<i>Phải thu khác</i>	276.201.374	397.351.423	276.201.374	397.351.423
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	16.500.000.000	20.000.000.000	16.500.000.000	20.000.000.000
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	22.157.569.742	34.897.692.954	22.157.569.742	34.897.692.954
Tổng cộng	42.961.091.859	56.748.629.957	42.961.091.859	56.748.629.957

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Nợ phải trả tài chính				
<i>Phải trả người bán</i>	5.287.904.227	2.795.429.692	5.287.904.227	2.795.429.692
<i>Phải trả khác và chi phí phải trả</i>	2.133.143.619	12.878.919.993	2.133.143.619	12.878.919.993
Tổng cộng	7.421.047.846	15.674.349.685	7.421.047.846	15.674.349.685

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	2021 VND
Ông Ngô Quang Trung	95.483.889
Ông Nguyễn Tấn Lực	35.518.333
Ông Nguyễn Xuân Điền	66.078.333
Ông Trần Hiếu	416.371.455
Bà Lê Thủy Hằng	68.497.889
Bà Phan Thị Trang	30.560.000
Bà Lê Thị Thanh Thuận	291.467.234
Bà Nguyễn Thị Bạch Huệ	28.994.889
Ông Võ Văn Đức	51.051.667
Bà Nguyễn Vũ Anh Thư	23.120.000
	1.107.143.689

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	2021 VND	2020 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	Cổ tức	6.630.000.000	8.925.000.000
	Cung cấp dịch vụ	-	11.409.090
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	Cung cấp dịch vụ	275.024.927	372.081.714
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Cung cấp dịch vụ	250.989.040	380.003.283

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Số dư phải thu/ (phải trả) với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn - TNHH MTV	Cổ tức phải trả Nhận ký quỹ ngắn hạn	- -	(5.355.000.000) (2.000.000)
Công ty cổ phần Xe khách Sài Gòn	Nhận ký quỹ ngắn hạn Phải thu thương mại	(78.096.000) 20.824.087	(78.096.000) 50.610.000
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Buslines	Nhận ký quỹ ngắn hạn Phải thu thương mại	(64.720.000) 112.998.507	(64.720.000) 25.544.520

9.2 Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là dịch vụ lưu đậu, các dịch vụ hỗ trợ và trong một khu vực địa lý là Thành phố Hồ Chí Minh.

9.3 Tình hình sử dụng vốn thực hiện dự án "Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương" (giai đoạn 1)

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Hội đồng quản trị và Nghị quyết số 18/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ, toàn bộ số vốn thu được từ đợt phát hành là 34.000.000.000 VND sẽ được sử dụng để bổ sung vào nguồn vốn kinh doanh để thực hiện Dự án "Đầu tư, nâng cấp Bến xe An Sương".

+ Tình hình sử dụng vốn đến ngày 31/12/2021:

STT	Nội dung	Số tiền VND
1	Tư vấn thiết kế PCCC	75.900.000
2	Tư vấn lập kế hoạch bảo vệ môi trường	22.000.000
3	Tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	143.000.000
4	Tư vấn thẩm tra Báo cáo nghiên cứu khả thi	27.000.000
5	Phí thẩm định Thiết kế cơ sở	2.948.000
6	Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	672.881.000
7	Tư vấn quản lý dự án	478.160.000
8	Tư vấn đấu thầu	198.098.000
9	Tư vấn khảo sát địa chất	115.665.000
10	Tư vấn khảo sát địa chất bước thiết kế bản vẽ thi công dự án	6.600.000
11	Tư vấn giám sát thi công	486.323.488
12	Tư vấn thẩm tra TKBVTC và dự toán	118.615.000
13	Phí thẩm tra thiết kế và dự toán	12.954.000
14	Chi phí thi công	23.659.470.000
15	Phí bảo hiểm công trình	56.753.950
16	Photo, scan hồ sơ	44.584.100
17	Đăng báo đấu thầu	2.310.000
	Tổng cộng	26.123.262.538
		VND
	Tổng chi cho dự án đến ngày báo cáo này:	26.123.262.538
	Số tiền chưa sử dụng:	7.876.737.462
	Tổng cộng:	34.000.000.000
	Tổng chi phí xây dựng cơ bản dở dang đến 31/12/2021:	26.222.097.489



9.4 Thông tin so sánh

Trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 do thay đổi tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 24/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 5 năm 2021.

	Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu VND	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND/cổ phiếu
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.096.819.351	2.419
Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi điều chỉnh	(131.337.000)	
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu đã điều chỉnh	11.965.482.351	2.393

9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

NGUYỄN HỮU HƯNG
 Người lập biểu

BÙI THANH TÂM
 Kế toán trưởng



TRẦN HIẾU
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 3 năm 2022



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
(STP.JSC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/Tr-STP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH

Về việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021, tổng quỹ lương, thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ kế hoạch năm 2022 và một số vấn đề khác.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Căn cứ vào Nghị quyết số 24/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19/5/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn (Công ty);

Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán;

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh thực hiện năm 2021 và kế hoạch nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2022;

Căn cứ đề nghị của Ban Kiểm soát về việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty năm 2022

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông các vấn đề sau:

I. Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2021:

1. Trích lập các quỹ

Tổng Doanh thu	:	28.911.839.165 đồng
Lợi nhuận trước thuế:	:	10.009.494.966 đồng
Lợi nhuận sau thuế (Lợi nhuận Phân phối)	:	8.558.941.671 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển (5% LNST)	:	427.947.084 đồng
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi, trong đó:	:	2.258.244.000 đồng
+ Quỹ khen thưởng	:	564.561.000 đồng
+ Quỹ phúc lợi	:	1.693.683.000 đồng



- Quỹ Thương HĐQT, Ban KS, Ban điều hành Công ty	:	135.000.000 đồng ✓
- Chia cổ tức: 12%/VDL	:	6.000.000.000 đồng ✓
Lợi nhuận năm trước còn lại	:	5.389.834.060 đồng .
Tổng lợi nhuận còn để lại	:	5.127.584.647 đồng ✓

2. Chia cổ tức năm 2021

+ Chia cổ tức	:	12%/VDL
+ Chi trả cổ tức bằng tiền	:	6.000.000.000 đồng

II. Dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022:

Tổng Doanh thu	:	30.258.000.000 đồng ✓
Lợi nhuận trước thuế:	:	10.010.880.000 đồng ✓
Lợi nhuận sau thuế (Lợi nhuận Phân phối)	:	8.008.704.000 đồng ✓
- Quỹ đầu tư phát triển	:	Trích 5% lợi nhuận sau thuế Trích tối đa 03 tháng lương bình quân thực hiện của NLD
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	:	nếu lợi nhuận thực hiện bằng lợi nhuận kế hoạch.
- Quỹ thưởng HĐQT, Ban KS, Ban điều hành Công ty	:	Trích tối đa 1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý công ty chuyên trách nếu lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch.
Tỷ lệ chia cổ tức năm 2022	:	10%/VDL

III. Dự kiến Tổng quỹ lương năm 2022:

Tổng Doanh thu	:	30.258.000.000 đồng
Lợi nhuận sau thuế (Lợi nhuận Phân phối)	:	8.008.704.000 đồng
Tổng quỹ lương của Công ty	:	11.170,42 triệu đồng ✓

- Quỹ lương Người quản lý công ty : 1.116,00 triệu đồng
- Quỹ lương Người lao động : 9.639,22 triệu đồng
- Tổng thù lao thành viên HĐQT, Ban KS : 415,20 triệu đồng

IV. Mức thù lao thành viên HĐQT, Ban KS năm 2022:

- Chủ tịch HĐQT : 7.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Hội đồng quản trị : 5.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát : 3.800.000 đồng/người/tháng

V. Quỹ thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty năm 2022:

Trích tối đa 1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người quản lý Công ty chuyên trách nếu lợi nhuận thực hiện bằng hoặc cao hơn lợi nhuận kế hoạch (theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐ-TBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016).

VI. Về lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022: Chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.

Trân trọng kính trình././ *[Signature]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Thư ký HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Quang Trung



TỜ TRÌNH

Về việc Thông qua Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bến bãi Vạn tài Sài Gòn

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Bến bãi Vạn tài Sài Gòn.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua về việc sửa đổi và bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị như sau:

- Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty trên cơ sở nền tảng theo Quy chế mẫu áp dụng cho Công ty đại chúng theo quy định tại Phụ lục II Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính, đồng thời rà soát và căn chỉnh để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021. (Đính kèm dự thảo quy chế).
- Sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định Phụ lục III Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính, đồng thời rà soát và căn chỉnh để đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021. (Đính kèm dự thảo quy chế).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung trên và ủy quyền cho Hội đồng quản trị ký ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công

ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT (TCHC).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Quang Trung

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
(STP.JSC)

DỰ THẢO



Phục vụ để phát triển - Phát triển để phục vụ
ISO 9001:2015

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY



Tháng 6 năm 2022





**CÔNG TY CỔ PHẦN
BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm 2021

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.
bao gồm các nội dung sau:



MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	5
Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt	5
CHƯƠNG 2 – QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	7
I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG	7
Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 6. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 7. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội	11
Điều 8. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết	12
Điều 9. Cách thức bỏ phiếu bầu cử	13
Điều 10. Cách thức kiểm phiếu	14
Điều 11. Thông báo kết quả kiểm phiếu	14
Điều 12. Cách thức phân đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 13. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 14. Thống qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	16
II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN	17
Điều 15. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	17
Điều 16. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản	17
Điều 17. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	18
III. QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN	20
Điều 18. Hình thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến	20
Điều 19. Điều kiện, cách thức Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử	20
Điều 20. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử	21
Điều 21. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến	21
Điều 22. Quy định về ủy quyền trực tuyến	21
Điều 23. Cách thức bỏ phiếu điện tử	22
Điều 24. Thời gian bỏ phiếu điện tử	23
Điều 25. Cách thức kiểm phiếu	23
Điều 26. Thông báo kết quả kiểm phiếu	23

Điều 27.	Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và hình thức thông qua-----	23
Điều 28.	Quyền và nghĩa vụ của Đại biểu khi tham gia bỏ phiếu điện tử -----	23
Điều 29.	Thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến-----	24
Điều 30.	Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng-----	24
IV. QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN-----		24
Điều 31.	Hình thức tổ chức họp đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến -----	24
CHƯƠNG 3 – HĐQT VÀ CUỘC HỌP HĐQT -----		25
Mục 1. Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT -----		25
Điều 32.	Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT -----	25
Điều 33.	Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty -----	25
Điều 34.	Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu TV HĐQT-----	25
Điều 35.	Cách thức bầu thành viên HĐQT -----	26
Điều 36.	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT -----	26
Điều 37.	Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT -----	26
Điều 38.	Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT -----	26
Mục 2 – Quy định về cuộc họp HĐQT -----		27
Điều 39.	Cuộc họp HĐQT -----	27
Điều 40.	Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT -----	28
CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT -----		31
Mục 1. Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên BKS -----		31
Điều 41.	Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS -----	31
Điều 42.	Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Thành viên BKS theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty -----	31
Điều 43.	Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên -----	31
Điều 44.	Cách thức bầu Kiểm soát viên -----	31
Điều 45.	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên -----	32
Điều 46.	Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên-----	32
Điều 47.	Cách thức giới thiệu ứng viên BKS-----	32
Mục 2 – Quy định về cuộc họp BKS-----		33
Điều 48.	Cuộc họp BKS-----	33
CHƯƠNG 5 - NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP -----		34
Điều 49.	Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp-----	34
Điều 50.	Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp -----	34
Điều 51.	Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp-----	35
Điều 52.	Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp -----	35
Điều 53.	Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp-----	35



CHƯƠNG 6 – QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	36
Điều 54. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc	36
Điều 55. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho BKS	36
Điều 56. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Tổng Giám đốc	36
Điều 57. Các trường hợp Tổng Giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT	36
Điều 58. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao	37
Điều 59. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc	37
Điều 60. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS	37
Điều 61. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, thành viên BKS và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên	38
CHƯƠNG 7 – QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC	42
Điều 62. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác	42
Điều 63. Khen thưởng	42
Điều 64. Kỷ luật	42
CHƯƠNG 8 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	44
Điều 65. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty	44
CHƯƠNG 9 - NGÀY HIỆU LỰC	44
Điều 66. Ngày hiệu lực	44

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
2. Thành viên HĐQT không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên được quy định tại khoản 56 Điều 3 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
3. Công ty: là Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn;
4. HĐQT: là Hội đồng quản trị;
5. Ứng cử: là tự đề cử;
6. BKS: là Ban kiểm soát;
7. VSD: là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam;
8. SGDCK: Sở giao dịch chứng khoán;
9. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền);
10. Người phụ trách quản trị công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
11. BTC: Ban tổ chức.
12. “**Đại biểu**” là Cổ đông, đại diện ủy quyền (người đại diện theo ủy quyền).
13. “**Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**” là các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc Đại hội đồng cổ đông bất thường được tổ chức dưới hình thức các Đại biểu có thể lựa chọn tham gia *trực tiếp* hoặc *thông qua mạng internet* để thực hiện các quyền biểu quyết/bầu cử của mình.
14. “**Bỏ phiếu điện tử**” là việc Đại biểu kết nối internet và thực hiện biểu quyết/bầu cử thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do Công ty quy định và thông báo.
15. “**Hệ thống bỏ phiếu điện tử**” là hệ thống cung cấp cho đại biểu các công cụ để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
16. “**Yếu tố định danh**” là những thông tin cần thiết để xác định chính xác một đối tượng trong một hoàn cảnh.
17. “**Xác thực**” là để kiểm tra, xác minh các thông tin của đối tượng có đúng là những thông tin mà đối tượng cung cấp, hoặc khai báo.



18. **“Sự kiện bất khả kháng”** là những sự kiện xảy ra ngoài ý chí của người triệu tập Đại hội đồng cổ đông không thể lường trước và khắc phục được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết, khả năng cho phép.
19. **“Bầu dồn đều”** là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà đại biểu dồn số phiếu cho 01 ứng cử viên hoặc chia đều số phiếu bầu cho nhiều ứng cử viên tương ứng. Sau khi chia đều, số Phiếu bầu tương ứng cho từng ứng viên được làm tròn xuống tính đến hàng đơn vị. Phiếu bầu lẻ còn lại (nếu có) sẽ bỏ.
20. **“Bầu ghi số”** là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà Đại biểu sẽ ghi cụ thể số phiếu bầu cho từng ứng cử viên sao cho tổng số phiếu bầu của các ứng cử viên được bầu bằng tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện.

CHƯƠNG 2 – QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG

Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ và thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; và Quy chế THQ)

Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 17 Điều lệ Công ty)

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
2. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, SGDCK nơi có phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông



báo hợp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
 - c. Thẻ hoặc Phiếu biểu quyết, bầu cử;
 - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ họ và tên cổ đông, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, giấy tờ pháp lý cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị liên quan đến khoản 3 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 3 Điều này;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không sở hữu 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 15 Điều lệ Công ty; Khoản 1 Điều 19 Điều lệ Công ty)

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.
 - b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này;

- Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với quy định của pháp luật;
- Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội:

- a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
- b. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo mẫu của Công ty và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- c. Phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông:

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
- Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

Điều 6. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 14 Điều lệ Công ty)

1. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c. Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
 - d. Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc;
 - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và thành viên BKS;
 - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g. Số lượng thành viên HĐQT, BKS;
 - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;
 - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với HĐQT, BKS;
 - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

- p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động HDQT, Quy chế hoạt động BKS;
 - t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên SGDCK hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc; Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
- b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

a. Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự trừ trường hợp bỏ phiếu điện tử nếu họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. **Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.**

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;



- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.
- Phiếu biểu quyết điện tử không do BTC phát hành.

b. Phiếu bầu cử

➤ **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự trừ trường hợp bỏ phiếu điện tử nếu họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

➤ **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
- Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
- Gạch tên các ứng cử viên;
- Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu bầu;
- Phiếu điện tử không do BTC phát hành trong trường hợp họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên trúng cử;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
- Không có chữ ký của đại biểu tham dự trừ trường hợp phiếu điện tử do BTC phát hành.
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.

Điều 8. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết/ Phiếu biểu quyết điện tử.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

- a. Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
- b. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất những nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.
- c. Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết điện tử: Đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được chuẩn bị sẵn trong Phiếu biểu quyết điện tử bằng các đánh dấu “X” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất những nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết bằng email hoặc các phương thức điện tử khác do Ban kiểm phiếu hướng dẫn.

Điều 9. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

(Căn cứ quy định tại Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào HĐQT và BKS.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu mới và phải nộp phiếu cũ;



- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
 - + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trùng cử;
 - + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;
 - + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trùng cử:
 - + Người trùng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
 - + Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
 - + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

c. Bầu cử theo phương thức điện tử: được áp dụng trong trường hợp tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Phiếu biểu quyết theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc phương thức biểu quyết được thể hiện dưới dạng điện tử, BTC không cấp lại phiếu bầu cho đại biểu, cách thức bỏ phiếu thực hiện theo Điểm c Khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

Điều 10. Cách thức kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu phiếu bầu cử/thẻ/phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ/phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Trường hợp bỏ phiếu điện tử theo Điểm c Khoản 2 Điều 8 Quy chế này. BTC sử dụng cách thức điện tử để kiểm phiếu nhưng phải bảo đảm khách quan, độc lập, an toàn.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 11. Thông báo kết quả kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

Điều 12. Cách thức phân phối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 13. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Điều 14. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty)

1. Nghị quyết về những nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều này và Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp (nếu có):
 - a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
 - b. Định hướng phát triển Công ty;
 - c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - h. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - i. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.
2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, 3, 4, 5 Điều này và Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp (nếu có).
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ

phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, trừ trường hợp sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty thì phải được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

Điều 15. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ Công ty)

HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Điều 16. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

HĐQT không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong những trường hợp sau đây:

- a. Định hướng phát triển Công ty;
- b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- f. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- g. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- h. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.

Điều 17. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Điều 21, Điều 22 và Điều 23 Điều lệ Công ty)

1. HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết. Nghị quyết HĐQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo quyết định và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ Công ty.
3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến
 - a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - + Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
 - + Mục đích lấy ý kiến;
 - + Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông;
 - + Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - + Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - + Phương án bầu cử (nếu có);
 - + Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
 - b. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
 - c. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
 - + Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - + Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

- + Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu:

HDQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ và số phiếu biểu quyết/bầu cử không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;
- e. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HDQT, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên HDQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu:

- a. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
 - b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo Khoản 5 Điều 14 Quy chế này.
6. Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
7. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty

có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ công ty.
- b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

III. QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TUYẾN

Điều 18. Hình thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

1. Đại hội đồng cổ đông có thể tổ chức bằng hình thức trực tuyến theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán;
2. Ngoài việc tổ chức bằng hình thức trực tiếp, Đại hội đồng cổ đông có thể tổ chức bằng hình thức trực tuyến hoặc hình thức khác tương đương khi thỏa mãn một trong các điều kiện dưới đây:
 - a. Sự kiện bất khả kháng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh, các quyết định hạn chế hay cấm đoán của nhà nước trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng; hoặc
 - b. Các sự kiện khách quan khác mà HĐQT xét thấy không thuận tiện và/hoặc không phù hợp để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo hình thức họp trực tiếp.
 - c. Trong trường hợp HĐQT quyết định triệu tập tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương đương khác; HĐQT có trách nhiệm ban hành và công bố trên website của Công ty Quy chế tổ chức Đại hội này trước ít nhất mười (10) ngày tính từ thời điểm khai mạc Đại hội, với nội dung cơ bản như sau:
 - i. Hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục tổ chức và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên dưới hình thức họp trực tuyến hoặc hình thức tương đương khác;
 - ii. Quy định cách thức bỏ phiếu điện tử (e-voting), gửi phiếu biểu quyết thông qua thư/fax/thư điện tử và các hình thức biểu quyết tương đương khác để cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết của mình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến;
 - iii. Các nội dung khác liên quan đến tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến hoặc hình thức tương đương khác.

Điều 19. Điều kiện, cách thức Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Điều kiện tham gia:
 - a. Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.



- b. Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty.
2. Yêu cầu kỹ thuật: Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).
3. Cách thức thực hiện: Đại biểu truy cập đường dẫn, đăng nhập theo các thông tin được cung cấp quy định tại Điều 20 Quy chế này để tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.

Điều 20. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử

1. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.
2. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
3. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử Theo nội dung của Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 21. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 20 Quy chế này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 22. Quy định về ủy quyền trực tuyến

1. Việc ủy quyền thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty.
2. Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.
3. Hiệu lực của ủy quyền: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:
 - a. Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.

- b. Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
 - c. Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc Đại hội đồng cổ đông khai mạc chính thức.
4. Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho công ty trước lúc Đại hội đồng cổ đông khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.
5. Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

Điều 23. Cách thức bỏ phiếu điện tử

1. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:
 - a. Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
 - b. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
2. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:
 - a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu: Nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (bầu dồn đều hoặc bầu ghi số). Theo đó, Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô "Bầu dồn phiếu" hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô "Số phiếu bầu" của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
 - b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết (nếu có): Thực hiện theo quy định bỏ phiếu biểu quyết nêu tại Khoản 1 Điều này.
3. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:
 - a. Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.
 - b. Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình Đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.
 - c. Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu

điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của Đại hội.

- d. Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ được quy định cụ thể tại quy chế làm việc tại Đại hội.

Điều 24. Thời gian bỏ phiếu điện tử

Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại Đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

Điều 25. Cách thức kiểm phiếu

Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số tán thành, số không tán thành và số không ý kiến.

Điều 26. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại Điều 25 Quy chế này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình Đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Chủ tọa/Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 27. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và hình thức thông qua

1. Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Đại biểu khi tham gia bỏ phiếu điện tử

1. Được biểu quyết, bầu cử tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty theo hình thức bỏ phiếu điện tử.
2. Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin truy cập để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Mọi kết quả giao dịch bỏ phiếu của Đại biểu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử sẽ được mặc nhiên coi là quyết định cuối cùng của Đại biểu. Đại biểu chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Công ty về kết quả giao dịch bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện của Đại biểu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.
3. Đại biểu phải thông báo ngay cho Công ty để kịp thời xử lý khi phát hiện tên truy cập, mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác bị mất, đánh cắp, bị lộ, hoặc nghi bị lộ bằng cách liên hệ với Công ty để thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Đại biểu phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, tổn thất và rủi ro khác xảy ra trước thời điểm Công ty nhận được thông báo của Đại biểu nếu như nguyên nhân là do Đại biểu.

Điều 29. Thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

1. Nguyên tắc:
 - a. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận;
 - c. Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của Đại hội;
 - d. Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa.
2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:
 - a. Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
 - b. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau.

Điều 30. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng

1. Trong thời gian diễn ra việc tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, có thể xảy ra những sự kiện bất khả kháng (ngoài tầm kiểm soát của Công ty) tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội (không bao gồm các sự kiện bất khả kháng đối với một hay một số đại biểu tham dự) như: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền internet, sự cố kỹ thuật tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội, các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền khác....
2. Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục để Đại hội có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian 60 phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng Đại hội, tất cả các vấn đề đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các vấn đề này sẽ được tiến hành biểu quyết lại trong Đại hội đồng cổ đông được triệu tập gần nhất.

IV. QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỢP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN

Điều 31. Hình thức tổ chức họp đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến

1. Đại hội đồng cổ đông có thể tổ chức bằng hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan;
2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông tổ chức bằng hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến được điều chỉnh theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật liên quan và theo Quy chế hướng dẫn tham dự họp Đại hội đồng hình thức trực tiếp kết hợp với trực tuyến do Hội đồng quản trị ban hành (nếu có).

CHƯƠNG 3 – HĐQT VÀ CUỘC HỌP HĐQT

Mục 1. Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT

Điều 32. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 275 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
 - c. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác..
2. Số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 25 Điều lệ công ty.
3. Thành viên HĐQT của Công ty chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT tại tối đa năm (05) công ty khác.

Điều 33. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

(Căn cứ quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty)

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai (02) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba (03) thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn (04) thành viên; từ 65% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định pháp luật.

Điều 34. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu TV HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty, Khoản 1 Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP)

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực,



chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cần trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);
- f. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 35. Cách thức bầu thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

Việc bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

(Căn cứ Điều 160 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 37. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 38. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

1. HĐQT hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 39 Quy chế này triệu tập cuộc họp HĐQT về việc bầu cử thành viên HĐQT để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 32 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên HĐQT và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 3 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử ...

3. HĐQT tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:
 - + Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;
 - + Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải được đa số Thành viên HĐQT đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
 - + Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

Mục 2 – Quy định về cuộc họp HĐQT

Điều 39. Cuộc họp HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 279 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Điều 29 Điều lệ Công ty)

1. Quy định chung về cuộc họp HĐQT
 - a. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này. Việc tổ chức họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - b. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng, trong đó có họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp HĐQT phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty..
2. Quy định về cuộc họp đầu tiên:

Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
3. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau:
 - a. Có đề nghị của BKS hoặc thành viên độc lập HĐQT;
 - b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;
 - d. Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy



ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

Điều 40. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 7, Khoản 8 Điều 157 và Điều 158 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 29 Điều lệ Công ty)

1. Thông báo họp HĐQT (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp):
 - a. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
 - b. Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty;
 - c. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên BKS như đối với các thành viên HĐQT. Thành viên BKS có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;
 - d. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc những địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
 - e. Các hình thức họp khác:

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

2. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này. Điều kiện tổ chức họp HĐQT:
 - a. Các cuộc họp của HĐQT lần thứ nhất được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;

- b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp;
 - c. Thành viên HĐQT chỉ được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
3. Cách thức biểu quyết:
- a. Trừ quy định tại Khoản 2 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm q và r Khoản 2 Điều 14 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
 - e. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
 - f. Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.
4. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT:
- Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.
5. Ghi biên bản họp HĐQT:

- a. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ii. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - iii. Thời gian, địa điểm họp;
 - iv. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - v. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - vi. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - vii. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - viii. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - ix. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản;
 - x. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.
- b. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
- c. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng;
- d. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi nghị quyết, biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

6. Thông báo nghị quyết HĐQT.

Sau khi ban hành Nghị quyết HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT

Mục 1. Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên BKS

Điều 41. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS

(Căn cứ quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 286 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 37 Điều lệ Công ty)

1. Thành viên BKS phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- + Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - + Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
2. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 42. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Thành viên BKS theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

(Căn cứ quy định tại Điều 36, Điều 37 Điều lệ Công ty)

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 35% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) Kiểm soát viên; từ 35% đến dưới 65% được đề cử tối đa hai (02) Kiểm soát viên; từ 40% trở lên được đề cử tối đa ba (03) Kiểm soát viên;
2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này và Quy chế hoạt động của BKS. Việc BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên BKS theo quy định của pháp luật.

Điều 43. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên

Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại Điều 34 Quy chế này.

Điều 44. Cách thức bầu Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Khoản 4 Điều 20 Điều lệ Công ty)

Bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.



Điều 45. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 174 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 37 Điều lệ Công ty)

1. Thành viên BKS bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Khoản 1 Điều 41 Quy chế này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
2. Thành viên BKS bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên BKS theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Điều 46. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 47. Cách thức giới thiệu ứng viên BKS

1. BKS triệu tập cuộc họp BKS về việc bầu cử Kiểm soát viên để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc bằng phương thức điện tử do BTC đại hội quyết định.
2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử Kiểm soát viên và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 4 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử ...
3. Công ty tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp số lượng ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:
 - + Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;
 - + Ứng viên do BKS giới thiệu phải được đa số Kiểm soát viên đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;

- + Ứng viên do BKS giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp.

Mục 2 – Quy định về cuộc họp BKS

Điều 48. Cuộc họp BKS

(Căn cứ quy định tại Điều 289 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 40 Điều lệ Công ty)

1. BKS có thể ban hành các quy định về cuộc họp của BKS và cách thức hoạt động của BKS. BKS phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên BKS. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.



CHƯƠNG 5 - NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 49. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Điều 64, 162 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều 51, 52, 54 Luật kế toán số 88/2015/QH13, Điều 19 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP)

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;
 - c. Có trình độ Đại học;
 - d. Tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng Giám đốc
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng theo quy định khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng
 - a. Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định tại Điều 52 Luật Kế toán số 88/2015/QH13 và Điều 19 Nghị định 174/2016/NĐ-CP;
 - b. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;
 - c. Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ Đại học trở lên;
 - d. Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;
 - e. Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai (02) năm.

Điều 50. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Điều 34 Điều lệ Công ty)

1. Việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc:
 - a. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.



- b. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm, trừ khi HĐQT có quy định khác (được nêu trong hợp đồng) và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác:
 - a. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đảm bảo để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
 - b. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 51. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Điều 26 và Điều 34 Điều lệ Công ty)

Thẩm quyền ký kết và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm i Khoản 2 Điều 26 và Điều 34 Điều lệ Công ty. Một thành viên HĐQT được ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.

HĐQT có thể xem xét đưa vào thêm các điều khoản và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.

Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14)

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 49 Quy chế này;
2. Có đơn xin nghỉ việc;
3. Các đối tượng không được tham gia quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 53. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.



CHƯƠNG 6 – QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 54. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Điều 40 Quy chế này.

Điều 55. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho BKS

Nghị quyết, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 56. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 57. Các trường hợp Tổng Giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Điều 29, Điều 34, Điều 39 Điều lệ Công ty)

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT
 - a. BKS có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
 - + Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin, hồ sơ và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của thành viên BKS không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;
 - + Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Khoản 5 Điều 39 Điều lệ Công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - b. Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
 - + Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Công ty không được thực thi;
 - + Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của những người điều hành khác của doanh nghiệp sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả.
2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:
 - a. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;



- b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- c. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ về quản trị công ty và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;
- d. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- e. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- f. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
- g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty bị ảnh hưởng.

Điều 58. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

(Khoản 4, Điều 34 Điều lệ Công ty)

1. Báo cáo về tình hình thực hiện NQ, QĐ của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo hàng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;
5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 59. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 58 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng Giám đốc.

Điều 60. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

(Khoản 3 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, Điều 34, Điều 42 Điều lệ Công ty)

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT:
 - a. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
 - b. Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được Tổng Giám đốc trình để HĐQT thông qua;
 - c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp;
 - d. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ Công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
 - e. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.
 - f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.
2. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS
 - a. Tổng Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với BKS nhằm đảm bảo BKS thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
 - b. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến thành viên BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
 - c. HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của thành viên BKS hoặc BKS.

Điều 61. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, thành viên BKS và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

(Căn cứ quy định tại Điều 170, Điều 171 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; Khoản 1 Điều 287, Điều 288, Khoản 2 Điều 289 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Điều 34, Điều 39, Khoản 2 Điều 40 Điều lệ Công ty)

1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT: BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:
 - a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu cả Tổng Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận) tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;
 - c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - d. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, BKS phải thông báo bằng văn bản cho HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Thành viên BKS có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;
 - f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;
 - g. Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.
2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc: BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.
 - a. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận) tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ;
 - b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường



- hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
- c. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của Tổng Giám đốc, BKS thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - d. Thành viên BKS có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
 - e. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
 - f. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của BKS phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
 - a. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao;
 - b. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
 - c. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - d. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;



- e. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch đề HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
- f. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;
- g. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 57 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là mười (10) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi HĐQT.

CHƯƠNG 7 – QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 62. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác.
2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....
3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.
4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.
5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 63. Khen thưởng

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 62 của Quy chế này.
2. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do HĐQT quy định.
3. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
4. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..
5. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp khác: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 64. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.



2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.
3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.



CHƯƠNG 8 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 65. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy định này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong quy chế này thì áp dụng những quy định của pháp luật đó để điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG 9 - NGÀY HIỆU LỰC

Điều 66. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 09 chương 66 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty, thay thế cho Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn đính kèm theo Nghị quyết số 32/NQ-DHĐCĐ ban hành ngày 24/4/2018.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT mới có giá trị.

TM. HĐQT

CHỦ TỊCH

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
(STP.JSC)

DỰ THẢO



Phục vụ để phát triển - Phát triển để phục vụ
ISO 9001:2015

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Tháng 6 năm 2022

DỰ THẢO

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN**

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày ...tháng...năm 2021.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của HDQT

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các văn bản, Nghị

quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “**Công ty**” là Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn;

b. “**Điều lệ Công ty**” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn;

c. “**Đại hội đồng cổ đông**” hoặc “**DHDCĐ**” gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty;

d. “**Hội đồng quản trị**” hoặc “**HDQT**” là Hội đồng quản trị của Công ty.

e. “**Người quản lý**” là Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành;

f. “**Ban điều hành**” là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty do HDQT bổ nhiệm;

g. “**Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành**” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty;

h. “**Người có liên quan**” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán;

2. Các thuật ngữ khác được sử dụng trong Quy chế này có nghĩa như trong Điều lệ Công ty.

Chương II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên HDQT

1. Thành viên HDQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên HDQT có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d. Báo cáo HĐQT tại cuộc họp gắn nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian (03) năm gắn nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT

1. HĐQT có năm (05) thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

c. Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác;

d. Thành viên HĐQT không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

e. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

Điều 8. Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

e. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ;

f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

5. Khi xét thấy cần thiết, HĐQT quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ, HĐQT; ghi chép các biên bản họp;

- b. Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

1. ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
2. ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);
 - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.
5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HĐQT để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại ĐHĐCĐ ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra

ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử năm (05) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT. Việc HĐQT đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng cử viên HĐQT được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HĐQT của công ty khác);
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - g. Công ty có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên HĐQT (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
2. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do pháp luật, Điều lệ Công ty và ĐHĐCĐ quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác

có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến đề ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên ĐHĐCĐ;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. HĐQT chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên HĐQT có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của HĐQT trong việc triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường

1. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:

HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên HĐQT hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số

lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này.

3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây:

- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e. Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát;
- f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc HĐQT

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để

chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. HĐQT phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập HĐQT;

b. Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên HĐQT;

d. Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên HĐQT.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

9. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong

trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 13 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

12. Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

14. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

Điều 17. Biên bản họp HĐQT

1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi vào Sổ biên bản và/hoặc ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác (nếu cần thiết). Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh nếu có thành viên HĐQT là người nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c. Thời gian, địa điểm họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- f. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên đồng ý, không đồng ý và không có ý kiến;
- g. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- h. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 18. Thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT

1. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử hoặc fax.

2. Quyền biểu quyết của thành viên HĐQT tại cuộc họp:

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định.

Phán quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm q và r Khoản 2 Điều 14 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

3. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

4. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp

Chủ tịch HĐQT vắng mặt) là phiếu quyết định.

5. Nghị quyết, quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

6. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên HĐQT tham gia cuộc họp.

7. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của HĐQT:

a. Nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.

b. Trường hợp thành viên HĐQT yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.

Điều 19. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản

1. Chủ tịch HĐQT có quyền quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

2. Theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT, Thư ký Công ty chuẩn bị phiếu lấy ý kiến và các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi tận tay hoặc gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; mục đích lấy ý kiến; họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên HĐQT; vấn đề lấy ý kiến; phương án biểu quyết, bao gồm: đồng ý, không đồng ý và không có ý kiến; thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Công ty; họ, tên và chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên HĐQT và gửi về Công ty.

5. Thư ký Công ty tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu.

6. Thư ký Công ty tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Quyết định được thông qua trên cơ sở lấy ý kiến đồng ý bằng văn bản của đa số thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết cũng có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên HĐQT. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và cụ thể hóa tại Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT Công ty.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 20. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, HĐQT phải trình ĐHĐCĐ báo cáo sau đây:

- a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính;
- c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc ĐHĐCĐ thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất một (01) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư,

kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 21. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên HĐQT

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên HĐQT theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên HĐQT và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của HĐQT do ĐHĐCĐ quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT hoặc các tiểu ban của HĐQT.

6. Thành viên HĐQT có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên HĐQT của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên HĐQT nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH, ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC VÀ QUY ĐỊNH VỀ PHÂN CẤP, ỦY QUYỀN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Chương trình công tác của HĐQT

1. Chương trình công tác của HĐQT:

a. Căn cứ mục tiêu chung, chương trình, kế hoạch, định hướng phát triển hàng năm và trong từng giai đoạn của Công ty, nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT, Thư ký Công ty tổng hợp Chương trình công tác của Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT, xây dựng và trình Chủ tịch HĐQT phê duyệt Chương trình công tác định kỳ hàng tháng, quý, năm của HĐQT và theo dõi, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Chương trình công tác của HĐQT theo định kỳ và báo cáo tại kỳ họp thường kỳ theo quy định.

b. Căn cứ Chương trình công tác chung của HĐQT và chức trách, nhiệm vụ đã được Chủ tịch HĐQT phân công, từng thành viên HĐQT chủ động thực hiện Chương trình công tác của mình.

2. Chương trình công tác của Chủ tịch và các thành viên HĐQT: Các thành viên HĐQT, theo lĩnh vực được phân công, chủ động đăng ký Chương trình làm việc của mình với Chủ tịch HĐQT. Thư ký Công ty ra thông báo Chương trình công tác của Chủ tịch và các thành viên HĐQT theo chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT.

Điều 24. Điều kiện làm việc của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao, tiền lương và các lợi ích khác như quy định tại Điều 21 Quy chế này.

2. Ban điều hành, các Phòng, Ban, các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin cần thiết, liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT hoặc các thành viên HĐQT để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo Điều 4 của Quy chế này, theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ Công ty.

3. HĐQT sử dụng bộ máy điều hành và con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình. Các Phòng, Ban chức năng của Công ty có trách nhiệm tham mưu, giúp HĐQT trong quản lý, điều hành, thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Phân cấp, ủy quyền của HĐQT

HĐQT phân cấp, ủy quyền bằng những hạn mức cụ thể cho Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty. Việc phân cấp, ủy quyền được thể hiện bằng biểu quyết của các thành viên HĐQT và được thông qua theo quy định của HĐQT về thông qua quyết định của HĐQT; được lập bằng văn bản dưới hình thức phù hợp với quy định của pháp luật theo đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc trong những trường hợp HĐQT thấy cần thiết. Những trường hợp không có phân cấp, ủy quyền của HĐQT thì hạn mức tối đa thuộc phạm vi giải quyết của Tổng Giám đốc trong điều hành là mức cao nhất mà pháp luật và Điều lệ Công ty cho phép.

Chương VII

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Nguyên tắc phối hợp trong công tác

HĐQT, thành viên HĐQT phối hợp trong quan hệ công tác theo nguyên tắc sau:

1. Luôn trung thành vì lợi ích của Công ty;
2. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty;
3. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch;
4. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có) vì lợi ích chung của Công ty.

Điều 27. Mối quan hệ giữa các thành viên HĐQT

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu

trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên HĐQT chịu trách nhiệm chính. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 28. Mối quan hệ với Ban điều hành

1. HĐQT bảo đảm tạo mọi điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực bắt buộc thi hành. Khi tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề nghị HĐQT xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên ĐHCĐ hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.

3. Tại các phiên họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung họp để quyết định mời các Phó Tổng Giám đốc hoặc Trưởng/Phó các Phòng, Ban, các đơn vị trực thuộc có liên quan tham dự họp, báo cáo công việc cụ thể và tham gia ý kiến (nếu cần).

4. Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

Trường hợp phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty hoặc các sự việc xét thấy cần thiết khác, Ban điều hành và người quản lý Công ty phải báo cáo ngay cho Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT trực tiếp phụ trách mảng công việc đó biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời.

Điều 29. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

1. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình; đồng thời, có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban kiểm soát.

2. Chủ tịch HĐQT bảo đảm rằng thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến các

thành viên HĐQT và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

3. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

4. HĐQT bảo đảm tất cả các bản sao thông tin về tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên HĐQT, cũng như nghị quyết, quyết định và biên bản họp HĐQT sẽ được cung cấp cho các thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho thành viên HĐQT.

Điều 30. Mối quan hệ với cấp ủy Đảng, đoàn thể nội bộ Công ty

Là mối quan hệ thống nhất quan điểm lãnh đạo đối với nhiệm vụ chính trị của Công ty. Nội dung cụ thể như sau:

1. HĐQT Công ty thông báo tình hình của Công ty để tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức Đảng và phát huy vai trò nòng cốt của Đảng viên trong mọi lĩnh vực công tác.

2. HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty tạo điều kiện để Cấp ủy Đảng, BCH Công đoàn, Đoàn Thanh niên Công ty triển khai các công tác của mình trong Công ty, nhưng không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. HĐQT tôn trọng vị trí và vai trò của các tổ chức trên cơ sở pháp luật, tranh thủ sự tham gia ý kiến của các tổ chức trong Công ty trong việc thực hiện các chế độ chính sách với người lao động. Tạo điều kiện để Công đoàn làm tốt vai trò chức năng vận động người lao động thi đua lao động sản xuất kinh doanh và tham gia các phong trào quần chúng khác, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ Công ty.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Bổ sung và sửa đổi Quy chế

1. Quy chế này có thể được sửa đổi, bổ sung khi có sự thay đổi trong các văn bản pháp luật của Nhà nước liên quan đến các quy định ghi trong Quy chế này và khi cơ chế quản trị nội bộ cần phải thay đổi cho phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể.

2. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được HĐQT xem xét trên cơ sở đề nghị của các thành viên HĐQT và Ban kiểm soát Công ty.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật, khác với những điều khoản trong Quy chế

này thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 32. Điều khoản thi hành

1. Bản Quy chế này gồm 8 Chương, 32 Điều, được các thành viên HĐQT Công ty cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn thông qua tại cuộc họp HĐQT ngày / /2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

2. Quy chế này có hiệu lực từ ngày / /2021 và được áp dụng trong toàn Công ty. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Hội đồng quản trị Công ty, thay thế cho Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn đính kèm theo Quyết định số 25/QĐ-HĐQT ban hành ngày 07/06/2017.

3. Các thành viên HĐQT, Thư ký, Ban điều hành, các Trưởng, Phó các Phòng, Ban, Đơn vị trực thuộc Công ty có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Số: 02.../TT-BKS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2022

TỜ TRÌNH
V/v Sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Bến bãi Vận tải Sài Gòn

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty về việc sửa đổi và bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty như sau:

Trên cơ sở quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ, Ban kiểm soát đã xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty. Quy chế này được xây dựng trên cơ sở nền tảng của phụ lục IV được ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty (dự thảo Quy chế được đính kèm Tờ trình này) và ủy quyền cho Ban kiểm soát ký ban hành Quy chế.

Trân trọng kính trình ./.

Nơi nhận:
- Như trên
- Lưu BKS

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Lê Thị Thanh Thuần

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GTVT SÀI GÒN
TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN
(STP.JSC)

DỰ THẢO



Phục vụ để phát triển - Phát triển để phục vụ
ISO 9001:2015

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT



Tháng 5 năm 2022



TP. Hồ Chí Minh, ngày...tháng...năm 20...

DỰ THẢO

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN BÃI VẬN TẢI SÀI GÒN**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày ... tháng ... năm ...;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bến Bãi Vận tải Sài Gòn.

Quy chế hoạt động Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bến Bãi Vận tải Sài Gòn bao gồm các nội dung sau:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
2. Mọi diễn biến và những thông tin thu thập được trong quá trình giám sát của Ban kiểm soát phải được xem xét, đánh giá trung thực, khách quan trên cơ sở các tài liệu đã được kiểm tra tại chỗ hoặc qua hệ thống thông tin báo cáo.
3. Tất cả các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát gửi cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cơ quan Nhà nước phải được thảo luận tập thể trong Ban kiểm soát và có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị.
4. Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy Chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) “Quy chế” là Quy Chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn.
 - b) “Công ty” là Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn;
 - c) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp mức cổ phần trọng yếu theo quy định của Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan;
 - d) “Người có liên quan” là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty nếu thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan;
 - e) “Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách” là thành viên Ban kiểm soát làm việc thường trực giữa các kỳ họp của Ban kiểm soát và chịu trách nhiệm về một hoặc một số nhiệm vụ do Ban kiểm soát phân công;
2. Các từ ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ Công ty cũng có nghĩa tương tự như trong Quy chế này.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty, quản lý và bảo mật thông tin theo quy định của Công ty. Không lợi dụng quyền hạn được giao để gây cản trở cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty. Không sử dụng thông tin, cơ hội kinh doanh của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông về tình hình, kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, vấn đề tài chính của Công ty và việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
5. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
6. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
7. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của Công ty đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Công ty. Ban kiểm soát có 03 (ba) thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

4. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
5. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
6. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát bị giảm quá 1/3 (một phần ba) theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, Công ty phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
4. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó;
7. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều 37 Điều lệ Công ty.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát: Ngoài quyền và nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 38 và các điều khoản khác của Điều lệ Công ty, Trưởng Ban kiểm soát còn có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a) Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.
 - b) Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả thành viên Ban kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.
 - c) Thay mặt Ban kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.
 - d) Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.
 - e) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.
 - f) Đảm bảo các thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.
 - g) Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.
 - h) Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến và đưa ra kiến nghị nhưng không được biểu quyết. yêu cầu ghi lại các ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến của mình khác với các quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
 - i) Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.
 - j) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết, có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử thành viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 35% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) thành viên Ban kiểm soát; từ 35% đến dưới 65% được đề cử tối đa hai (02) thành viên Ban kiểm soát; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;
 - b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ

trường hợp bất khả kháng;

- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);
 - f) Các thông tin khác (nếu có);
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Giám sát tình hình tài chính Công ty
 - a) Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản tại Công ty theo các nội dung sau:
 - Hoạt động đầu tư tài sản tại Công ty.
 - Việc huy động vốn và sử dụng vốn huy động; phát hành cổ phiếu.
 - Hoạt động đầu tư vốn ra ngoài Công ty bao gồm đầu tư vào các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bất động sản, chứng khoán (nếu có); hiệu quả việc đầu tư vốn ra ngoài Công ty.
 - Việc quản lý tài sản, công nợ phải thu, công nợ phải trả, khả năng thanh toán nợ của Công ty, hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu.
 - b) Giám sát, bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
 - c) Giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty theo các nội dung:
 - Doanh thu hoạt động kinh doanh, dịch vụ; doanh thu tài chính; thu nhập khác.
 - Kết quả hoạt động kinh doanh, tỷ suất lợi nhuận trên vốn của chủ sở hữu (ROE), tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA).
 - Phân tích về lưu chuyển tiền tệ của Công ty.
 - Việc thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.
 - Phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập và sử dụng các quỹ.
 - d) Giám sát việc thực hiện các chính sách đối với người lao động trong Công ty, trong đó có các nội dung về chi phí tiền lương, thu nhập của người lao động, người quản lý điều hành của Công ty.
3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 (sáu) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
6. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty.
7. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều lệ Công ty hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao hoặc có các quyết định khác gây hậu quả lớn về vật chất, tài chính, uy tín của Công ty.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba

mười) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13 Điều lệ Công ty.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
20. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
21. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
22. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
23. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
24. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty;
 - c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1

Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Điều 15. Hoạt động kiểm tra của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và giám sát hoạt động tài chính trong Công ty thông qua việc kiểm tra hoạt động quản lý và sử dụng nguồn vốn, hoạt động đầu tư, việc chấp hành chế độ hạch toán, quản lý tài sản Công ty, các hoạt động kinh doanh dịch vụ, kết quả kinh doanh...
2. Ban kiểm soát sử dụng bộ phận kế toán của Công ty để thực hiện hoạt động kiểm tra.
3. Hình thức kiểm tra giám sát:
 - a) Kiểm tra, giám sát từ xa;
 - b) Kiểm tra tại chỗ: định kỳ hoặc đột xuất.
4. Phương thức kiểm tra
 - a) Kiểm tra, giám sát: Dựa trên báo cáo của Công ty; dựa trên chứng từ, hồ sơ, tài liệu lưu trữ dạng file hoặc văn bản tại Công ty.
 - b) Tham gia đóng góp ý kiến về những quyết định, chủ trương, chính sách và việc ban hành các quy định nội bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và Ban điều hành để bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
5. Trong phạm vi quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm, Ban kiểm soát ban hành quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục tiến hành hoạt động kiểm tra.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 16. Các cuộc họp Ban kiểm soát

1. Cuộc họp thường kỳ: Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất.
2. Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - b) 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
 - c) Trưởng Ban kiểm soát;
 - d) Ít nhất 02 (hai) thành viên Ban kiểm soát;
 - e) Tổng Giám đốc.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại các điểm a, b, c, d, e khoản 2 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường.
4. Các cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến trong trường hợp bất khả kháng làm cho việc tổ chức cuộc họp Ban kiểm soát trực tiếp không thể thực hiện được.
5. Thông báo và chương trình họp: Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau 5 (năm) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian họp và địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những thành viên Ban kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban kiểm soát này sẽ gửi phiếu bầu cho Ban kiểm soát trước khi họp.
Trường hợp Ban kiểm soát họp bất thường, thông báo mời họp và thời hạn gửi thông báo thực hiện theo Quy chế này.
6. Số thành viên tham dự yêu cầu: Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban kiểm soát được ủy quyền. Trường hợp triệu tập họp Ban kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp Ban kiểm soát không đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng quản trị biết và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban kiểm soát và xem xét bầu bổ sung, thay thế.
7. Biểu quyết:
 - a) Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát

khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay.

- b) Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
 - c) Nếu có nghi ngờ nào phát sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.
8. Tuyên bố quyền lợi: Thành viên Ban kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận hay một hợp đồng dự kiến, một thỏa thuận dự kiến giao kết với Công ty phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cuộc họp Ban kiểm soát, tại đây Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không, nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.
9. Biểu quyết đa số: Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được quá bán số thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).
10. Trường hợp Ban kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ

chức thông thường, nếu:

- a) Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
- b) Số lượng thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban kiểm soát.

Điều 17. Biên bản họp Ban kiểm soát

Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản và lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt, chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại cuộc họp, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản họp Ban kiểm soát trong thời hạn 05 (năm) ngày kể từ ngày gửi biên bản đó.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 19. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Công ty.

Điều 20. Khen thưởng đối với Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thông qua việc thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát giúp Công ty hạn chế được các rủi ro và phát triển ổn định, kinh doanh có hiệu quả là cơ sở để Hội đồng quản trị xem xét, khen thưởng cho tập thể hoặc thành viên Ban kiểm soát.
2. Hình thức và mức khen thưởng đối với tập thể hoặc thành viên Ban kiểm soát do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty. Trường hợp mức khen thưởng vượt tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích liên quan khác đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua thì sẽ trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên

quan của mình, bao gồm:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
 3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
 4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
 5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 22. Trách nhiệm tuân thủ quy định về công khai lợi ích liên quan, tuân thủ nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải tuân thủ các quy định về công khai lợi ích liên quan, tuân thủ các quy định về nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Quy chế này, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 23. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp không tuân thủ các quy định về công khai lợi ích liên quan, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát vi phạm các quy định về công khai lợi ích liên quan, các quy định về nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát, ngoài việc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều 10 Quy chế này còn phải chịu trách nhiệm hoặc liên đới chịu trách nhiệm về những thiệt hại của Công ty do hành vi vi phạm của mình gây ra.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ của mình đều thuộc sở hữu của Công ty.

2. Nguyên tắc bồi thường thiệt hại

- a) Thiệt hại phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời;
- b) Mức bồi thường có thể được giảm nếu do lỗi vô ý mà gây thiệt hại quá lớn so với khả năng kinh tế trước mắt và lâu dài của người gây thiệt hại;
- c) Mức bồi thường, hình thức và phương thức bồi thường được xác định trên cơ sở mức thiệt hại thực tế mà Công ty phải chịu và do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định.

3. Xác định thiệt hại

- a) Thiệt hại về tài sản: trong trường hợp hành vi vi phạm gây thiệt hại về tài sản cho Công ty thì thiệt hại bồi thường bao gồm nhưng không giới hạn:
 - i) Tài sản bị mất;
 - ii) Tài sản bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng;
 - iii) Lợi ích gắn liền với việc khai thác, sử dụng tài sản;
 - iv) Chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế và khắc phục thiệt hại;
 - v) Chi phí liên quan đến quá trình Công ty yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý để bảo vệ quyền lợi của mình: chi phí luật sư, chi phí theo phán quyết của cơ quan có thẩm quyền giải quyết;
 - vi) Các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế mà Công ty phải gánh chịu liên quan đến các thiệt hại do hành vi vi phạm gây ra.
- b) Thiệt hại về uy tín của Công ty do hành vi vi phạm gây ra bao gồm:
 - i) Chi phí hợp lý để hạn chế, khắc phục hậu quả;

- ii) Thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giám sát.
4. Ngoài trách nhiệm phải bồi thường thiệt hại quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều này, thành viên Ban kiểm soát còn có thể phải chịu các trách nhiệm khác theo quy định của Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật có liên quan do hành vi vi phạm các quy định về công khai lợi ích liên quan, các quy định về nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC GIỮA BAN KIỂM SOÁT, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 25. Quan hệ làm việc với Hội đồng quản trị

1. Ban kiểm soát với tư cách là một bộ phận trong cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty, quan hệ làm việc với Hội đồng quản trị theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của đa số thành viên Ban kiểm soát.
3. Chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại cuộc họp Hội đồng quản trị phải được gửi đến các thành viên Ban kiểm soát cùng thời gian gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề được đưa ra và thông qua tại cuộc họp.
5. Các nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban kiểm soát.

6. Hội đồng quản trị có trách nhiệm cung cấp tất cả thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty cho Ban kiểm soát.
7. Ban kiểm sát có trách nhiệm thông báo kịp thời những kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và những kiến nghị cần thiết đến Hội đồng quản trị theo quy định.

Điều 26. Quan hệ làm việc với Tổng Giám đốc

1. Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát trong quá trình làm việc với Tổng Giám đốc và hệ thống điều hành phải giữ vững tính độc lập, khách quan, đồng thời phải hợp tác chặt chẽ, không gây cản trở lẫn nhau trong khi thực thi nhiệm vụ và quyền hạn của mình.
2. Tổng Giám đốc báo cáo Ban kiểm soát về việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, báo cáo thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và điều hành Công ty và các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể của Ban kiểm soát.
3. Căn cứ vào báo cáo hoạt động thường kỳ và những thông tin đáng tin cậy của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Tổng Giám đốc.
4. Trong trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Điều lệ Công ty và có thể gây thiệt hại lớn về vật chất, uy tín của Công ty, Ban kiểm soát có quyền đề nghị Tổng Giám đốc dừng ngay việc thực hiện các quyết định đó. Trong vòng bốn mươi tám (48) giờ kể từ khi có yêu cầu, Ban kiểm soát thông báo ý kiến của Ban kiểm soát với các thành viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị sẽ ra thông báo về việc thực hiện quyết định của Tổng Giám đốc.

Điều 27. Quan hệ với cổ đông Công ty

Ban kiểm soát với tư cách đại diện cổ đông thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và giám sát hoạt động tài chính trong Công ty, do đó, các thành viên Ban kiểm soát phải chấp hành nghiêm túc chế độ bảo mật thông tin, báo cáo trung thực, chính xác đến Hội đồng quản trị và cổ đông về hoạt động tài chính của Công ty thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường. Có trách nhiệm giải đáp các chất vấn và giải quyết các kiến nghị của cổ đông yêu cầu đối với Ban kiểm soát.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Quy chế này do Ban kiểm soát Công ty xem xét quyết định và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trong trường hợp những quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan đến hoạt động của Ban kiểm soát chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành đó đương nhiên được áp dụng.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 7 chương, 29 Điều khoản, được các thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn nhất trí thông qua tại cuộc họp Ban kiểm soát ngàythángnăm 20....
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Ban kiểm soát Công ty, thay thế cho Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn đính kèm theo Quyết định số 37/QĐ-BKS ban hành ngày 01/08/2019.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát phải có chữ ký của Trưởng Ban kiểm soát mới có giá trị.
4. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và được áp dụng trong Công ty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**